

Ảnh hưởng của văn minh phương Tây đối với Việt Nam qua chính sách giáo dục của Pháp giai đoạn 1917 – 1929

Tác giả: Đặng Thị Vân

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong suốt thời gian cai trị Việt Nam, thực dân Pháp đã thi hành nhiều chính sách khai thác, thống trị đối với thuộc địa nhằm phục vụ lợi ích của chủ nghĩa thực dân. Tất cả những chính sách đó mang lại hậu quả nặng nề cho Việt Nam trên mọi mặt về kinh tế - chính trị - văn hóa – xã hội. Tuy nhiên, về mặt khách quan nằm ngoài ý muốn của nhà thực dân là những hệ quả tích cực được tạo ra từ những chính sách mà giới cầm quyền thực hiện. Đó là sự xuất hiện của những giai cấp mới đóng vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc giải phóng dân tộc, những tư tưởng tiến bộ từ bên ngoài dội vào Việt Nam, hay một quá trình tiếp xúc, giao lưu và tiếp nhận văn minh đã diễn ra. Có thể nói văn minh phương Tây đã trực tiếp hoặc gián tiếp du nhập, ảnh hưởng đến Việt Nam, bằng nhiều con đường và cách thức khác nhau trong đó những ảnh hưởng qua chính sách giáo dục của Pháp ở thuộc địa là vấn đề đang thu hút sự quan tâm tìm hiểu. Nói cách khác, sự có mặt của người Pháp cùng với việc tiến hành chương trình khai thác thuộc địa, trong đó có những điều chỉnh trong lĩnh vực giáo dục mà “làn sóng” văn minh phương Tây cũng bắt đầu tràn vào Việt Nam, đặc biệt là những thành tựu giáo dục phương Tây.

Nhằm thực hiện âm mưu cai trị và bóc lột, duy trì lâu dài nền thống trị thuộc địa thực dân Pháp đặc biệt quan tâm đến giáo dục ở thuộc địa. Trong suốt thời kỳ thống trị ở Đông Dương, chính quyền thuộc địa đã tiến hành hai cuộc cải cách giáo dục, mỗi cuộc cải cách lại gắn liền với tên tuổi của một viên Toàn quyền. Năm 1906, Toàn quyền Đông Dương Paul Beau cho thực hiện cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất theo mô hình giáo dục của Pháp (1906 – 1916). Năm 1917, Toàn quyền Albert Sarraut ban hành Bộ Học chính tổng quy, đánh dấu bước mở đầu của chương trình cải cách giáo dục lần thứ hai: xóa bỏ nền giáo dục Nho giáo, xác lập và củng cố nền giáo dục Việt Nam (1917 – 1929).

Có thể thấy, từ trước đến nay đã có rất nhiều nghiên cứu về vấn đề giáo dục. Phần lớn các tác giả đều phê phán gay gắt những chính sách giáo dục mà nhà cầm quyền Pháp

đã thực hiện ở Việt Nam, “*nền giáo dục của thực dân Pháp tổ chức ở Việt Nam không những đã hết sức nhỏ bé mà lại còn có một nội dung nô lệ và ở một trình độ hết sức thấp kém*”[9;21]. Tuy nhiên, “*mặc dù những nỗ lực của người Pháp về giáo dục chủ yếu nhằm phục vụ công cuộc cai trị, tức là vì “Mẫu quốc” hơn là để “khai hóa văn minh” cho Việt Nam nhưng lại đem lại điều mà chính quyền thực dân không mong đợi. Đó là thông qua chính sách giáo dục của Pháp, người Việt đã tiếp thu những kiến thức mới của văn minh phương Tây một cách có chọn lọc và làm phong phú thêm nền văn hóa của dân tộc Việt Nam*”[1;6]. Đó là những ảnh hưởng ngoài mong muốn của Pháp. Nó mang lại những lợi ích nhất định, và tạo ra sự biến đổi về mặt này hay mặt khác đối với đất nước Việt Nam. Và suy cho cùng, chính sách giáo dục là do thực dân Pháp đề ra và thực hiện ở Việt Nam, nhưng chính những người dân Việt Nam là đối tượng chủ yếu thực hiện và tiếp nhận. Một bộ phận trong đó đã tiếp nhận một cách chọn lọc tri thức của văn minh phương Tây, họ thu nhận nền giáo dục mới theo cách của họ.

Giai đoạn 1917 – 1929 là giai đoạn có ý nghĩa quan trọng, đặc biệt Pháp đã tiến hành chương trình cải cách giáo dục lần thứ hai. Với cuộc cải cách lần này, giáo dục Nho giáo chính thức xóa bỏ, nền giáo dục Việt Nam được xác lập và củng cố. Chính những chính sách giáo dục trong giai đoạn này đã tạo ra những ảnh hưởng của văn minh phương Tây đến Việt Nam, mà trước hết là những ảnh hưởng trong lĩnh vực giáo dục.

Việc nghiên cứu về ảnh hưởng của văn minh phương Tây đối với Việt Nam qua chính sách giáo dục của Pháp giai đoạn 1917 - 1929 góp phần phân tích rõ chính sách giáo dục mà Pháp đã ban hành và thực hiện trong giai đoạn này dưới thời Toàn quyền Albert Sarraut, Merlin và Toàn quyền Varenne; cũng những ảnh hưởng của nó đối với Việt Nam mà cụ thể là những ảnh hưởng của văn minh phương Tây. Đó là những hệ quả tích cực nằm trong ý đồ của các nhà thực dân hay nằm ngoài ý muốn của giới cầm quyền Pháp qua việc ban hành những chính sách giáo dục và việc triển khai thực hiện trong thực tế. Qua đó, góp thêm cái nhìn khách quan trong nghiên cứu và giảng dạy về giáo dục Việt Nam thời kì thuộc địa, cung cấp thêm nguồn tài liệu tham khảo phục vụ cho việc giảng dạy về chính sách giáo dục của Pháp thời kì thuộc địa giai đoạn 1917-1929 và có hướng tiếp cận mới khi đánh giá về những tác động của nó đối với Việt Nam. Nguồn tài liệu phong phú liên quan đến đề tài như các chuyên khảo về giáo dục, các bài nghiên cứu đăng trên Tạp chí, đặc biệt là tài liệu gốc với cuốn “*Giáo dục Việt Nam thời kì thuộc địa qua tài liệu và tư liệu*

lưu trữ” của Trung tâm Lưu trữ quốc gia I là yếu tố quan trọng thúc đẩy tôi lựa chọn đề tài này để nghiên cứu.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Giáo dục Việt Nam thời Pháp đô hộ là vấn đề thu hút nhiều sự quan tâm nghiên cứu của các nhà khoa học. Đã có nhiều bài báo đăng trên Tạp chí khoa học tìm hiểu về nền giáo dục và chính sách giáo dục của Pháp ở thuộc địa. Tiêu biểu là các bài báo đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lịch sử. Năm 1967, bài báo với tiêu đề “Chính sách giáo dục của thực dân Pháp ở Việt Nam” (số 96/1967) của Nguyễn Trọng Hoàng; hay “Vài nét về giáo dục ở Việt Nam từ khi Pháp xâm lược đến cuối Chiến tranh thế giới 98/1967), “Vài nét về giáo dục ở Việt Nam từ sau Đại chiến thế giới lần thứ nhất” (số 102/1967) của Nguyễn Anh. Trong các bài báo này, các tác giả đi sâu tìm hiểu những chính sách giáo dục của Pháp, về nền giáo dục Việt Nam thời kì thuộc địa, những tác động tiêu cực và thực chất của cái gọi là “chính sách giáo dục” của thực dân Pháp ở Việt Nam là “làm cho dân ngu để dễ trị” theo quan điểm của nhà nghiên cứu Nguyễn Trọng Hoàng.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về giáo dục ở Việt Nam thời Pháp được công bố ở nước ngoài, như công trình của tác giả Hoàng Thị Trợ (1965), về “Changements dans la politique scolaire au Viet-Nam depuis 1906” (Những thay đổi về chính sách giáo dục ở Việt Nam kể từ năm 1906). Nghiên cứu này của tác giả cho thấy giáo dục Việt Nam chịu ảnh hưởng rất nhiều của mô hình giáo dục Pháp kể từ khi hình thành đến năm 1954. Tác giả Dương Đức Như với công trình Education in Vietnam under the French Domination 1862-1945 (Giáo dục ở Việt Nam thời Pháp đô hộ, 1862-1945) công bố năm 1978 đã cung cấp thông tin về cải cách giáo dục ở Việt Nam từ 1962 đến 1945.

Ngoài ra còn có nhiều bài chuyên khảo về vấn đề giáo dục, như: GS. Vũ Ngọc Khánh (1985) “Tìm hiểu giáo dục Việt Nam trước năm 1945”; Phan Trọng Báu (2006), “Giáo dục Việt Nam thời cận đại”; Nguyễn Đăng Tiến (1996), “Lịch sử giáo dục Việt Nam trước cách mạng tháng Tám”, tác giả giành một chương để trình bày về “Giáo dục Việt Nam dưới thời Pháp thuộc (1859-1945)” (Chương VII). Trong công trình của Pascale Bezancon (2002) - Une colonisation educatrice? L’experience indochinoise (1860-1945) (Một nền giáo dục thực dân? Trải nghiệm Đông Dương 1860-1945), tác giả đã đưa ra những đánh giá 1 cách hệ thống về nền giáo dục thực dân ở Đông Dương và thấy ở đó nhiều nhận định tích cực. Ngoài ra, chương trình học và hệ thống tổ chức của nền giáo dục

Việt Nam thời Pháp đô hộ còn được đề cập khái quát trong một số công trình nghiên cứu có giá trị như Đào Duy Anh (1938), “Việt Nam văn hóa sử cương”; Nguyễn Q. Thắng (2005), “Khoa cử và Giáo dục Việt Nam”. Một số công trình được viết dưới dạng các cuốn giáo trình như: Đinh Xuân Lâm (Chủ biên) (2000), “Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập II (1858-1945)”; Trần Văn Giàu, Bùi Minh Hiền (2005), “Lịch sử giáo dục Việt Nam”; Phan Ngọc Liên (2006), “Giáo dục và thi cử Việt Nam (trước cách mạng tháng Tám 1945)”. Cuốn “Lịch sử Việt Nam tập 8, 1919 – 1930” của Tạ Thị Thúy có phần đánh giá, nhận xét về một số mặt tích cực và tiêu cực của nền giáo dục mà thực dân Pháp tổ chức ở Việt Nam. Đây được xem là cách nhìn nhận khách quan, mới mẻ của tác giả.

Nền giáo dục Việt Nam thời kì thuộc địa cũng được nhắc đến trong nhiều luận án tiến sĩ, như: Luận án “Giáo dục Pháp – Việt ở Bắc Kỳ từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945” của Tiến sĩ Trần Thị Phương Hoa (2012). Trong công trình này, tác giả nghiên cứu hệ thống giáo dục Pháp – Việt ở Bắc Kỳ trong từng giai đoạn, một số kết quả đạt được cùng những ảnh hưởng của nó mà đặc biệt là vai trò của tầng lớp trí thức Tây học đối với cách mạng tháng Tám năm 1945. Và làm rõ vai trò cầu nối của nhà trường Pháp Việt trong việc chuyển từ nền giáo dục Nho học sang nền giáo dục hiện đại. Hay công trình của tác giả công trình của tác giả Hồ Thanh Tâm – “*Yếu tố Pháp - Việt trong lĩnh vực cải cách giáo dục ở Việt Nam thời kì 1862 – 1945*”. Trong công trình này, tác giả tìm hiểu lĩnh vực cải cách giáo dục ở Việt Nam thời kì 1862 – 1945 từ góc nhìn tương tác văn hóa, khắc họa sâu sắc quá trình giao lưu văn hóa Pháp – Việt.

Điểm qua các công trình nghiên cứu trước đó, có thể thấy rằng các tác giả đã nhìn thấy những mặt tiêu cực của chính sách giáo dục và kết quả của nó, đề cập đến chính sách giáo dục như một bộ phận của chính sách cai trị của Pháp. Tuy nhiên, cũng đã có nhiều luận án tiến sĩ và một số bài báo đăng trên các tạp chí ít nhiều có đề cập đến một số khía cạnh của văn minh phương Tây và yếu tố giao lưu, tiếp nhận văn hóa hay những hệ quả tích cực của nền giáo dục thực dân. Trong cuốn “Lịch sử Việt Nam tập 8” Tạ Thị Thúy đã chỉ ra những mặt “tích cực” và “tiêu cực” của nền giáo dục thực dân ở Việt Nam. “*Trường học được lập và tổ chức theo mô hình hiện đại, vận hành theo kiểu công nghiệp: học chính tổng quy; được tổ chức chặt chẽ theo hệ thống ngành dọc, giống như nhà máy – tập trung và đúng giờ giấc; chương trình học theo từng cấp, từng hệ, tương đối được thống nhất, với phương pháp giảng dạy được đưa vào từ chính quốc. Việc bỏ chữ Hán để thay bằng tiếng*

Commented [U1]:

Pháp và một phần chữ Quốc ngữ sẽ thay đổi tư duy và những kiến thức rập khuôn có sẵn trong sách vở, cũng có nghĩa là tiếp cận với những tư tưởng, nền văn minh phương Tây hiện đại...” [17;234-235]. Hay Luận án “Trí thức Việt Nam đối diện với văn minh phương Tây thời Pháp thuộc” của tác giả Trần Việt Nghĩa (2012). Công trình trình bày những điều kiện mới cho sự tiếp nhận văn minh phương Tây đầu thế kỉ XX; sự tiếp nhận văn minh phương Tây của các nhà Nho cấp tiến Việt Nam trong những năm đầu thế kỉ XX; trí thức Tây học với tư tưởng tiếp biến văn minh phương Tây. Đặc biệt, trong chương 2, tác giả đã trình bày những điều kiện mới cho sự tiếp nhận văn minh phương Tây ở Việt Nam đầu thế kỉ XX, mà chính sách văn hóa, trong đó có chính sách giáo dục là một trong những yếu tố và điều kiện mới. Bài viết “Tiếp nhận văn minh phương Tây của Việt Nam và Nhật Bản trong lĩnh vực giáo dục: diễn trạng và nhận định” của PGS.TS.Ngô Minh Oanh. Tác giả đã trình bày bối cảnh lịch sử của quá trình tiếp nhận văn minh phương Tây trong lĩnh vực giáo dục của Việt Nam và Nhật Bản, từ đó chỉ ra những nét tương đồng và khác biệt trong quá trình tiếp nhận những thành tựu giáo dục phương Tây và những hệ quả tích cực của quá trình này đối với sự phát triển của Việt Nam và Nhật Bản trong thời cận đại.

Như vậy, có thể khái quát khuynh hướng chung của những nghiên cứu này như sau: Phần lớn các công trình nghiên cứu đều mô tả quá trình thực dân Pháp thiết lập hệ thống giáo dục kiểu mới ở Việt Nam cùng một số nội dung giáo dục. Tác giả Nguyễn Trọng Hoàng đã khẳng định: “*Làm cho ngu dân để dễ trị*”, đó là thực chất của cái gọi là chính sách giáo dục của thực dân Pháp ở Việt Nam. Đã có sự chuyển đổi trong khuynh hướng đánh giá về nền giáo dục thời Pháp đô hộ, từ chỗ phê phán gay gắt đến chỗ nhìn nhận những mặt “tích cực” một cách khách quan. Mỗi công trình, mỗi tác giả đều có những mục tiêu và hướng nghiên cứu khác nhau. Tôi mạnh dạn nghiên cứu về đề tài “Chính sách giáo dục của Pháp trong giai đoạn 1917-1929 và những ảnh hưởng đối với Việt Nam” trên cơ sở tiếp thu những kết quả nghiên cứu đi trước mà tôi đã trình bày một phần trên đây và đi sâu tìm hiểu, làm rõ những chính sách cụ thể của Pháp trên lĩnh vực giáo dục trong giai đoạn này và những tác động của nó đối với Việt Nam, đặc biệt là thông qua chính sách giáo dục của Pháp mà “làn sóng” văn minh phương Tây đã ảnh hưởng đến Việt Nam, trước hết là trong lĩnh vực giáo dục. Đồng thời chỉ ra những yếu tố của văn minh phương Tây một cách rõ nét nhất.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu

• Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là làm rõ những ảnh hưởng của văn minh phương Tây đến Việt Nam thông qua chính sách giáo dục của Pháp giai đoạn 1917 – 1929.

• Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu trên, đề tài tập trung làm rõ một số nội dung chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, trình bày khái quát bối cảnh lịch sử của Việt Nam trong giai đoạn 1917 - 1929 và nội dung chính sách giáo dục của Pháp dưới thời Toàn quyền Albert Sarraut, Merlin và Varen.

Thứ hai, chỉ ra và phân tích những yếu tố văn minh phương Tây ảnh hưởng đến Việt Nam qua chính sách giáo dục của những nhà thực dân và kết quả từ việc triển khai chính sách giáo dục trong thực tế.

Thứ ba, rút ra những nhận xét về các chính sách cũng như nền giáo dục mà Pháp tổ chức ở Việt Nam trong giai đoạn này và những ảnh hưởng của văn minh phương Tây đến Việt Nam.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

• Đối tượng nghiên cứu

Để làm rõ đối tượng nghiên cứu của đề tài, trước tiên cần làm rõ thuật ngữ “ảnh hưởng của văn minh phương Tây” và “chính sách giáo dục”.

Theo Từ điển tiếng Việt, “*văn minh là trình độ phát triển đạt đến trình độ nhất định của xã hội loài người, có nền văn hóa vật chất và tinh thần với những đặc trưng riêng* [15;19]. Theo định nghĩa của GS. Vũ Dương Ninh thì: “*Văn minh là trạng thái tiến bộ về cả hai mặt vật chất và tinh thần của xã hội loài người, tức là trạng thái phát triển cao của nền văn hóa*” [14;5]. Khi định nghĩa văn minh và văn hóa nhiều người thường đồng nhất hai khái niệm này. Thực ra văn minh là khái niệm dùng để chỉ “*trình độ phát triển về vật chất và tinh thần của con người, ở vào trạng thái phát triển cao nhất của nền văn hóa, trong một thời kì lịch sử nào đó*” [23;19 – 20].

Văn minh phương Tây mà bài nghiên cứu muốn đề cập là nền văn minh thời cận đại. Đó là một nền văn minh tư bản chủ nghĩa, một nền văn minh tiên tiến gắn liền với những thành tựu khoa học kỹ thuật và phương thức sản xuất tiên tiến, hiệu quả của nền kinh tế và những tiến bộ trên tất cả các lĩnh vực. Văn minh phương Tây được thể hiện đa dạng trên

nhieu mặt, như: về tư tưởng, những thành tựu về giáo dục, nghệ thuật,... Bài nghiên cứu đặc biệt chú trọng đến những thành tựu của văn minh phương Tây trên phương diện “nền giáo dục”: Người châu Âu có hệ thống giáo dục hiện đại với các cấp bậc từ bậc tiểu học đến đại học. Mô hình hoàn thiện cùng với chương trình giáo dục theo hướng hiện đại, gồm các môn khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Những tư tưởng giáo dục tiên bộ được đề cao, coi trọng nhân tố con người, giáo dục con người phát triển toàn diện, đạo đức, trí tuệ, thể chất và kỹ năng lao động. Hơn nữa, việc giảng dạy các môn học này trong nhà trường được tiến hành bằng phương pháp tích cực, hiện đại, coi trọng thực hành, được biên soạn thành những chương trình giảng dạy một cách bài bản hay các bộ sách giáo trình. Còn giáo dục Việt Nam thì chỉ theo sách Trung Hoa, học theo “Tứ thư”, “Ngũ kinh”, lấy mục tiêu đào tạo những người “quân tử” làm trọng. Giáo dục phải tuân theo “Tam cương”, “ngũ thường”.

Trong đề tài này, thuật ngữ “giáo dục” dùng để chỉ nền giáo dục thời Pháp đô hộ, cụ thể là giai đoạn 1917-1929. (bao gồm cả giáo dục Đại học, Cao Đẳng, hệ thống trường nghề,...). Những vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục mà tác giả sẽ tìm hiểu là những điều chỉnh về tổ chức giáo dục của các viên Toàn quyền, về nội dung giáo dục qua đó rút ra những biểu hiện về ảnh hưởng của yếu tố văn minh phương Tây mà trước hết là trong lĩnh vực giáo dục.

“Từ ‘Việt Nam’ trong tên đề tài dùng để chỉ quốc gia Việt Nam. Trong thời gian 1917 - 1929, Việt Nam là bộ phận của Liên bang Đông Dương. Chính sách giáo dục của Pháp trong giai đoạn này được tìm hiểu qua những điều chỉnh của các viên Toàn quyền và việc triển khai thực hiện trên thực tế ở Việt Nam. Những thành tố của văn minh phương Tây tác động đến Việt Nam được nhận diện và phân tích trên cơ sở đó.

• Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Đề tài giới hạn nghiên cứu về những ảnh hưởng của văn minh phương Tây qua chính sách giáo dục của Pháp giai đoạn 1917 – 1929 trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam thời Pháp đô hộ. Do hạn chế về thời gian nghiên cứu và nguồn tài liệu, đề tài chỉ giới hạn tìm hiểu những ảnh hưởng của văn minh phương Tây đối với Việt Nam trước hết là trong lĩnh vực giáo dục và điếm qua những ảnh hưởng của văn minh phương Tây trên một số lĩnh vực khác.

Về thời gian: Đề tài chủ yếu xem xét những ảnh hưởng của văn minh phương Tây đến Việt Nam qua chính sách giáo dục của Pháp trong thời kỳ thực hiện cải cách giáo dục lần hai (1917 – 1929). Tức là từ lúc Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut ra nghị định ban hành “Học chính tổng quy” để cải cách hệ thống giáo dục (21-12-1917) cho đến năm 1929. Năm 1929 cũng là thời điểm kết thúc chương trình khai thác thuộc địa lần hai của Pháp và từ năm 1930 do nhiều biến động nghiêm trọng về chính trị, kinh tế mà nhà cầm quyền Pháp buộc phải tiến hành một số cải cách về giáo dục, từng bước hoàn chỉnh nền giáo dục Việt Nam. Những chính sách giáo dục của Pháp trong giai đoạn 1917 - 1929 là điều kiện mới cho văn minh phương Tây ảnh hưởng đến Việt Nam. Đề tài còn mở rộng thêm những ảnh hưởng này ở giai đoạn sau đó từ kết quả của việc triển khai thực hiện trên thực tế.

5. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu

• Nguồn tài liệu

Bài nghiên cứu sử dụng nhiều nguồn tư liệu khác nhau, bao gồm:

Tài liệu gốc về chính sách giáo dục của Pháp ở Việt Nam thời kỳ thuộc địa được Trung tâm Lưu trữ quốc gia I tập hợp và xuất bản trong cuốn sách “Giáo dục Việt Nam thời kỳ thuộc địa qua tài liệu và tư liệu lưu trữ” năm 2016.

Các chuyên khảo về tình hình giáo dục Việt Nam thời Pháp đô hộ của các tác giả Phan Trọng Báu, Trần Thị Phương Hoa, Vũ Ngọc Khánh, Nguyễn Đăng Tiến.

Các bài nghiên cứu được đăng trên các tạp chí khoa học hoặc được phổ biến trên Internet và các sách tham khảo về lịch sử văn hóa, lịch sử Việt Nam, lịch sử văn minh. Các nguồn tài liệu này góp phần cung cấp những cứ liệu quan trọng về chính sách giáo dục, kết quả của cải cách giáo dục, về quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa ở Việt Nam thời thuộc địa.

• Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic là chủ yếu, kết hợp với các phương pháp khác như: Phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp và đối chiếu tư liệu.

Tuân theo phương pháp lịch sử, tác giả trình bày những chính sách giáo dục của Pháp ở Việt Nam theo tiến trình thời gian trong giai đoạn 1917 – 1929, từ đó làm rõ những tác động của chính sách giáo dục, những ảnh hưởng của văn minh phương Tây thông qua chủ trương của các Toàn quyền Đông Dương.

Tuân theo phương pháp lôgic, tác giả dựa trên chính sách giáo dục của các viên toàn quyền và việc triển khai thực hiện trong thực tế, từ đó sẽ nhận diện và phân tích những yếu tố văn minh phương Tây ảnh hưởng đến Việt Nam.

Phương pháp so sánh được sử dụng khi trình bày những chính sách giáo dục của Toàn quyền Albert Saraut, Toàn quyền Merlin và Varenne, đồng thời đối sánh những khác biệt khi nền giáo dục Pháp – Việt được tổ chức ở Việt Nam so với nền giáo dục Hán học trước đó. Phương pháp phân tích cũng được sử dụng đan xen nhằm làm rõ những điều kiện và yếu tố văn minh phương Tây xuất hiện ở Việt Nam qua tác động của chính sách giáo dục của Pháp giai đoạn nghiên cứu. Các phương pháp trên được tác giả vận dụng linh hoạt trong suốt tiến trình thực hiện nghiên cứu.

6. Đóng góp của đề tài

Tổng hợp từ nguồn tài liệu phong phú gồm các chuyên khảo, bài nghiên cứu có giá trị khoa học, đặc biệt là cuốn “Giáo dục Việt Nam thời kì thuộc địa qua tài liệu và tư liệu lưu trữ (1858 – 1945)”, bài viết đã trình bày những chính sách giáo dục của Pháp giai đoạn 1917 – 1929 và một số ảnh hưởng của văn minh phương Tây đối với Việt Nam, trước hết là trong lĩnh vực giáo dục và điểu qua một vài ảnh hưởng trên lĩnh vực khác. Qua đó góp thêm cái nhìn khách quan trong nghiên cứu và giảng dạy về giáo dục Việt Nam thời kì thuộc địa, cung cấp thêm nguồn tài liệu tham khảo phục vụ cho việc giảng dạy về chính sách giáo dục của Pháp giai đoạn 1917 – 1929 và những nhận định về tác động của nó đối với Việt Nam, đặc biệt là ảnh hưởng của văn minh phương Tây.

7. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, bài nghiên cứu khoa học gồm có ba chương.

Chương 1: Bối cảnh lịch sử Việt Nam và chính sách giáo dục của Pháp giai đoạn 1917-1929

- 1.1 Bối cảnh lịch sử Việt Nam giai đoạn 1917 – 1929
- 1.2 Mục đích
- 1.3 Nội dung chính sách giáo dục của Pháp giai đoạn 1917-1929

Chương 2: Những biểu hiện ảnh hưởng của văn minh phương Tây đối với Việt Nam qua chính sách giáo dục của Pháp giai đoạn 1917-1929

1. Mô hình giáo dục

2. Ngôn ngữ trong nhà trường
3. Chương trình giáo dục
4. Những yếu tố khác

Chương 3: Một số nhận xét về chính sách giáo dục của Pháp giai đoạn 1917- 1929 và những ảnh hưởng của văn minh phương Tây

1. Nhận xét về chính sách giáo dục của Pháp giai đoạn 1917- 1929
2. Nhận xét về ảnh hưởng của văn minh phương Tây đến Việt Nam

I. Nội dung

NỘI DUNG

Chương 1: Bối cảnh lịch sử Việt Nam và chính sách giáo dục của Pháp giai đoạn 1917-1929

1.1 Bối cảnh lịch sử Việt Nam giai đoạn 1917 – 1929

Từ năm 1917 đến năm 1929 là giai đoạn có những biến động lớn trong lịch sử Việt Nam. Thực dân Pháp tham gia thế chiến thứ nhất sau đó tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai. Việt Nam là một thuộc địa của Pháp cũng bị lôi vào vòng xoáy của cuộc chiến tranh, chịu tác động nặng nề trước những chính sách khai thác, bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp.

Bước ra khỏi Chiến tranh thế giới thứ nhất, nước Pháp tuy thắng trận nhưng thiệt hại hết sức nặng nề, trở thành con nợ của các nước châu Âu, đứng đầu là Mĩ. Phần lớn các cơ sở công nghiệp của Pháp bị tàn phá, nông nghiệp tiêu điều,... Để khắc phục những khó khăn trên, thực dân Pháp đã tiến hành một cuộc khai thác thuộc địa quy mô, thực ra là tiếp tục cuộc khai thác thuộc địa lần 1 mà trọng tâm là Đông Dương, trong đó có Việt Nam. Nếu như cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất gắn liền với tên tuổi của Paul Beau thì cuộc khai thác thuộc địa lần này lại gắn với tên tuổi của Albert Sarraut. Nội dung cuộc khai thác thuộc địa lần hai của Pháp là tiếp tục chương trình khai thác thuộc địa lần nhất với những mục tiêu cụ thể do những điều kiện và nhu cầu của nước Pháp. Trước hết, về kinh tế thứ tự ưu tiên trong các ngành khai thác có sự thay đổi. Nếu cuộc khai thác lần một tập trung vào khai mỏ, giao thông vận tải, thương nghiệp thì lần này ưu tiên số 1 của Pháp đã giành cho ngành nông nghiệp, tiếp đó là các ngành khai mỏ, thương nghiệp, giao thông vận tải, tài chính ngân hàng và các ngành khác. Sở dĩ như vậy là vì trong những năm sau chiến tranh,

thế giới tư bản chủ nghĩa đã rơi vào cuộc khủng hoảng mới trong những năm 1918 – 1923, biểu hiện ở sự suy sụp về kinh tế và sự bùng lên mạnh mẽ của các cao trào cách mạng . Do vậy mà kinh doanh nông nghiệp là một ngành có thể nhanh chóng đem lại nhiều lợi nhuận nhất. Số vốn đầu tư của Pháp đặc biệt tăng nhanh qua các năm. Năm 1924 - 1929, “số vốn đầu tư của tư bản Pháp vào Việt Nam lên đến 4000 triệu phorăng”[10;212]. Bên cạnh việc tập trung đầu tư khai thác về kinh tế, thực dân Pháp cũng đẩy mạnh thực hiện các biện pháp để củng cố bộ máy thống trị và một số chính sách về chính trị, văn hóa, xã hội. Như chính sách “cải lương hương chính”, các cuộc cải cách về chính trị, hành chính nhằm đối phó lại những biến động đang xảy ra trong xã hội Việt Nam. Chính sách thuế khóa, chính sách chia rẽ dân tộc và chủng tộc và những chính sách văn hóa giáo dục. Tất cả các chính sách này mà Pháp thực hiện ở Việt Nam đã tạo ra những chuyển biến sâu sắc và mạnh mẽ về kinh tế, văn hóa, xã hội của Việt Nam.

Cùng với đó là sự chuyển mình của phong trào dân tộc. Phong trào đấu tranh trong giai đoạn này phát triển mạnh mẽ. Đặc biệt, những chuyển biến mới trong phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX và sự tồn tại song song hai khuynh hướng đấu tranh. Cuối cùng là sự cáo chung của khuynh hướng tư sản và sự thắng thế của khuynh hướng vô sản. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp và sau các điều chỉnh chính sách mà tình hình chính trị - văn hóa – xã hội của Việt Nam có nhiều thay đổi lớn. Đặc biệt, một nền giáo dục hiện đại và văn minh phương Tây đã du nhập vào Việt Nam, tạo nên diện mạo mới cho Việt Nam trong và sau thời kì này.

1.2 Mục đích

Cùng với việc củng cố và tăng cường bộ máy chính quyền thuộc địa, đẩy mạnh chương trình khai thác kinh tế, thực dân Pháp cũng thực hiện nhiều chính sách đối với các lĩnh vực của đời sống văn hóa – xã hội, trong đó có giáo dục. Giáo dục được coi là một công cụ quan trọng cho chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của Albert Sarraut. Bởi, trước hết thông qua giáo dục đặc biệt là thông qua việc truyền bá tư tưởng của người Pháp, chính quyền thực dân có thể tạo nên một đội ngũ trí thức thượng lưu bản xứ làm chỗ dựa. Không những thế, giáo dục còn tạo ra lực lượng lao động có tay nghề cao, có tri thức phục vụ trong các ngành kinh tế mà nhà cầm quyền tiến hành, nhờ đó thúc đẩy hiệu quả kinh tế. “Trong khi đó để thuyết phục dân Pháp rằng cần phải đầu tư hơn nữa cho công cuộc giáo dục bản xứ, Albert Sarraut đã ca ngợi tính hiếu học của người dân Việt Nam cũng như

những đóng góp, hi sinh của dân Đông Dương cho chiến thắng của Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ nhất” [11;97]. Năm 1906, mà chính xác là năm 1910, chương trình cải cách giáo dục lần thứ nhất ở Đông Dương của toàn quyền Paul Beau được thực hiện. Tuy nhiên, sự tồn tại song song hai nền giáo dục: Giáo dục thực dân – hiện đại và giáo dục phong kiến – truyền thống “làm tăng thêm mâu thuẫn giữa “cựu học” và “tân học” ngay trong một thể hệ học sinh, không có lợi cho nền giáo dục thuộc địa” [17;210]. “ Một bên thì không ngừng quay về với quá khứ âm thầm chống đối những cải cách có nguồn gốc phương Tây, một bên dựa trên quá khứ nhưng lại hướng về và chuẩn bị cho những đổi mới của đất nước” [17;324]. Sự tồn tại nền giáo dục nửa cũ nửa mới là trở ngại lớn đối với nhà cầm quyền Pháp. Những ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa Trung Hoa ở Việt Nam là nỗi ám ảnh lớn đối Pháp. Do đó, nhanh chóng loại bỏ văn hóa Trung Hoa ra khỏi xã hội Việt Nam là vấn đề cấp thiết đối với các nhà hoạch định chính sách.

Hơn nữa, hiệu quả của những chính sách cải cách lần một không mang lại những kết quả mà giới cầm quyền Pháp mong muốn. Mục tiêu mà Pháp đặt ra là đào tạo đội ngũ công nhân kĩ thuật, viên chức giúp việc qua hệ thống nhà trường Pháp – Việt, đào tạo tầng lớp quan lại được tân học hóa làm tay sai đắc lực cho chính quyền thuộc địa qua hệ thống giáo dục phong kiến. Tuy nhiên việc thực hiện các chính sách giáo dục lại không đem lại kết quả. Như Phạm Quỳnh đã nhận xét : “*Sự học cũ cải cách lại không những không tốt hơn ra mà lại xấu kém đi, cái trình độ học trò không những không cao hơn trước mà lại thấp kém xưa, thật là đủ khiến cho những người có bụng tồn cổ sinh thất vọng trong lòng... Cứ xem như những họ trò đậu mấy khóa sau này cựu học không dầy, tân học cũng mỏng, mới không ra mới, cũ không ra cũ, thời đủ biết thực như lời Tây gọi là những quả lép của cái cây đã đến ngày cỗi vậ” [17;324].*

Điều đó càng đặt ra cho giới cầm quyền Pháp vấn đề phải điều chỉnh chính sách giáo dục ở thuộc địa, phải nhanh chóng xóa bỏ nền giáo dục Hán học. Và khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất sắp sửa bước vào giai đoạn kết thúc, chính quyền thực dân đã có những quan tâm đặc biệt đến nền giáo dục Đông Dương, trong đó có Việt Nam. Để hỗ trợ cho cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai sẽ tiến hành sau khi chiến tranh kết thúc, Pháp muốn đào tạo đội ngũ nhân công, những người giúp việc có trình độ chuyên môn và tầng lớp thượng lưu hợp tác với Pháp, cổ xúy cho cái gọi là “Pháp Việt đề huề”. Đồng thời Pháp muốn nhanh chóng xóa bỏ nền giáo dục Hán học – cản trở quá trình truyền bá văn minh

phương Tây vào Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng. Thực chất của cái gọi là “khai hóa văn minh” là những âm mưu thâm độc của chủ nghĩa thực dân Pháp. Đẩy mạnh dạy tiếng Pháp, tuyên truyền văn minh Pháp tại thuộc địa là nhằm gieo vào đầu học sinh Việt Nam tư tưởng lệ thuộc Pháp, coi Pháp là nước có “công khai hóa văn minh” và phục vụ đắc lực cho công việc của chủ nghĩa thực dân. Hơn nữa, việc Pháp hóa và hiện đại hóa nền giáo dục thuộc địa còn nhằm hạn chế, ngăn chặn những luồng tư tưởng tiến bộ từ bên ngoài dội vào nước ta.

Để thực hiện những mục tiêu đặt ra, Pháp đã đẩy mạnh đầu tư cho giáo dục. Theo thống kê, nguồn vốn đầu tư cho giáo dục thuộc địa không ngừng tăng lên. Nếu số tiền lấy từ ngân sách liên bang, ngân sách cấp xứ để chi cho các trường công “từ năm 1915 đến năm 1918 là 6915.000 đồng, trung bình mỗi năm là 1728.750 đồng; từ 1919 đến năm 1930 số tiền đó lên đến 80,386.000 đồng thì trung bình khoảng 6.698.833 đồng mỗi năm”[17, 211]. Đây là những con số biết nói về nguồn đầu tư của Pháp cho giáo dục, điều đó cho thấy mức độ quan tâm cũng như tầm quan trọng của giáo dục thuộc địa đối với tổng thể công cuộc khai thác của Pháp. Những chính sách giáo dục của Pháp trong giai đoạn này thể hiện qua chương trình giáo dục lần hai của Albert Sarraut (1917), những điều chỉnh của Toàn quyền Merlin và Varen (1924 – 1929).

1.3 Nội dung

• Chính sách giáo dục của Albert Sarraut (1917 – 1919)

Toàn quyền Albert Sarraut đã triển khai chương trình cải cách giáo dục trên toàn Đông Dương. Trước hết là thành lập một số ban ngành và trường học. Ngày 8-7-1917, toàn quyền Đông Dương ra nghị định thành lập Ban chỉ đạo bậc Cao học Đông Dương. Ngày 15-10-1917, thành lập trường Cao đẳng thú y Đông Dương dưới sự giám sát của giám đốc Học chính Đông Dương. Đồng thời xóa bỏ trường Hậu bổ Huế và trường Sĩ hoạn Hà Nội, thành lập trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương và trường Pháp chính Đông Dương. Ngày 17-10-1917, cho thành lập Tổng thanh tra học chính Đông Dương.

Ngày 21-12-1917 Toàn quyền Albert Sarraut cho ban hành nghị định về “Quy định chung về giáo dục ở Đông Dương”, còn gọi là bộ “Học chính tổng quy” thay đổi cơ bản hệ thống giáo dục ở Việt Nam. Những chính sách giáo dục của Albert Sarraut qua Bộ học quy được xem như là cuộc cải cách giáo dục lần hai.

Về nội dung của Bộ học chính tổng quy:

Bộ Học chính tổng quy gồm 7 quyển (Cách thức tổ chức; giáo dục đệ nhất cấp; giáo dục đệ nhị cấp; giáo dục nghề; học bổng; thi cử và giáo dục cao đẳng) và 558 điều. Bộ học quy gồm những nội dung liên quan đến hình thức tổ chức và chương trình giảng dạy của các hệ thống giáo dục, đưa ra những quy định về việc học trên toàn Đông Dương với một hệ thống giáo dục chung được áp dụng trên cả năm xứ.

Về tổ chức: Theo quy định của Bộ Học chính tổng quy, nền giáo dục công tại Đông Dương được chia làm hai hệ thống: giáo dục phổ thông và dạy nghề. Về giáo dục phổ thông, bản quy chế chia làm hai loại trường, đó là: Trường Pháp để dạy cho người Pháp và trường dạy cho người bản xứ (trường Pháp – Việt). Điều 1 của Học chính tổng quy quy định chương trình giáo dục công tại các trường Pháp và Pháp – Việt được chia thành các cấp: Đệ nhất cấp (hệ tiểu học); Đệ nhị cấp (hệ trung học); Đệ tam cấp (hệ cao đẳng). Ngoài ra còn có các trường thực nghiệm (dạy nghề).

Đệ nhất cấp - Hệ tiểu học: Gồm hai loại trường sau:

Trường tiểu học bị thế (kiêm bị) có 5 lớp: đồng ấu, dự bị, sơ đẳng, lớp nhì và lớp nhất. Cho phép mở các trường này ở tỉnh lỵ, huyện lỵ. Học sinh sau khi học xong đi thi lấy bằng tiểu học.

Trường sơ đẳng tiểu học: Là những trường chỉ có hai hoặc ba lớp dưới, có thể mở ở làng xã, hai hoặc ba xã có thể chung nhau một trường. Giáo viên dạy trong các trường này tuyển những người có bằng tốt nghiệp trường Sư phạm tiểu học, có bằng tiểu học sơ đẳng hoặc những người có bằng trung học.

Đệ nhị cấp - Hệ trung học: Gồm cao đẳng tiểu học và trung học. Bậc Cao đẳng tiểu học học 4 năm: đệ nhất, đệ nhị, đệ tam và đệ tứ niên, cuối năm 4 học sinh đi thi lấy bằng cao đẳng tiểu học. Bậc Trung học học hai năm, kết thúc bằng kì thi lấy bằng tú tài.

Đệ tam cấp – Hệ cao đẳng: “*Bao gồm các trường cao đẳng hợp thành trường đại học Đông Dương giành cho cả người Pháp và người bản xứ*”. [3;30]. Theo quy chế này, những trường đào tạo quan lại như Trường sĩ hoạn ở Hà Nội và trường Hậu Bô ở Huế sẽ ngừng hoạt động và tổ chức lại trực thuộc Đại học Đông Dương quản lý. Các trường cao đẳng mở cho cả học sinh người Pháp và người Việt. Cho thành lập Nha cao đẳng để quản lý chung các trường cao đẳng đang trong quá trình thành lập, chịu trách nhiệm về việc sáng lập, tổ chức, đặt thể lệ, định chương trình cho các trường cao đẳng.

Về chương trình học: Trước hết, ở bậc tiểu học: Điều 132 quy định, “*chương trình giảng dạy tại bậc tiểu học gồm 5 mục tiêu: giáo dục đạo đức, giáo dục thể chất và vệ sinh, giáo dục sơ đẳng, thủ công, truyền bá tiếng Pháp*” [1;368]. Chương trình học gồm các môn luân lý, thể dục, vệ sinh và những môn khoa học sơ lược như thủ công, tiếng Pháp. Điều 138 của Bộ học chính tổng quy đã quy định rõ chương trình học bậc tiểu học. Một ví dụ cụ thể là ở Lớp đồng ấu, học sinh học môn đạo đức, giáo dục thể chất, ngôn ngữ bản địa, tiếng Pháp, làm tính và hệ mét, hình học họa hình, khoa học thường thức, địa lý, vẽ, thủ công và môn chữ Hán. Quy định rõ nội dung cụ thể trong từng môn học, như môn đạo đức: “*Trẻ học thuộc lòng thơ hoặc giai thoại ngắn bằng văn xuôi trước khi biết đọc; những mẩu chuyện nhỏ được kể hoặc đọc kèm theo các câu hỏi thích hợp giúp trẻ hiểu nghĩa. Trẻ ở nhà: Thờ phụng tổ tiên, nghĩa vụ đối với cha mẹ, biết ơn, vâng lời, kính trọng, giúp đỡ, trung thực, nghĩa vụ đối với các thành viên khác trong gia đình, nghĩa vụ đối với người hầu và bạn bè của gia đình; lịch sự, tốt bụng, ăn nói lễ phép, ăn mặc chỉnh tề, đoàn kết trong gia đình, ... Trẻ ở trường, có nghĩa vụ đối với thầy giáo: yêu môn học, kính trọng, vâng lời, chăm chỉ nghiêm túc, trung thực; nghĩa vụ đối với bạn học: tốt bụng, hòa nhã, bảo vệ các bạn, yêu mến, giúp đỡ lẫn nhau; phẩm chất của người học sinh ngoan là: sạch sẽ, ngăn nắp, chú ý nghe giảng, chăm chỉ, học hành tiến bộ*” [1;370]. Ở các trường nữ, học về gia chánh trong 1 giờ rưỡi vào mỗi buổi chiều [20;77]. Hay môn giáo dục thể chất và vệ sinh ở lớp trung đẳng, với các nội dung: Vệ sinh thân thể gồm giữ vệ sinh cơ thể như tắm, rửa tay, làm sạch móng tay, đánh răng, chăm sóc tóc, da; giữ vệ sinh môi trường xung quanh, quét dọn nhà cửa, lau đồ dùng bằng dẻ ẩm, uống nước lọc sạch đun sôi, ... Giáo dục thể chất gồm: các trò chơi, vận động, tiếp tục các bài tập về trật tự, bài tập quân sự, xếp thẳng hàng [1;378 – 379]

Chương trình ở các lớp trung học dạy cho học sinh thông thạo tiếng Pháp vì tiếng Pháp có vai trò đặc biệt quan trọng. Dạy về các môn khoa học cơ bản như số học, vật lý, hóa học, ... Quy định rõ thời lượng học từng bộ môn. Một tuần học 27 giờ 30 phút, trong đó giành 12 giờ học tiếng Pháp, 8 giờ học khoa học (với các môn lịch sử, vật lý, hóa học), 2 giờ học địa lý (về hình thể và kinh tế).

Về phương pháp giảng dạy: giáo viên phải giảng dạy theo phương pháp mới. Kể từ việc soạn bài phải có giáo án đến các sổ sách theo dõi học tập.

Về các kì thi và học bổng: Các khoa thi được chia làm hai loại. Một là, thi theo chương trình bản xứ: thi tốt nghiệp tiểu học, trung học gồm cao đẳng tiểu học và trung học. Hai là, thi theo chương trình Pháp lấy bằng sơ học, cao đẳng và bằng tú tài Tây. Quyển 6 của Bộ Học chính tổng quy quy định về cách thức cấp học bổng cho học trò Tây và học trò Việt sang học bên Pháp.

Về vấn đề dạy chữ Pháp trong nhà trường:

Vấn đề dạy chữ Pháp bắt đầu từ lớp nào luôn là vấn đề bàn cãi của các viên Toàn quyền. Rút kinh nghiệm từ chính sách của toàn quyền Paul Bert trong thời kì trước, đó là dạy tiếng Pháp ngay từ lớp đầu tiên khi trẻ em mới bước chân tới trường và chính sách này đã hoàn toàn thất bại. Albert Sarraut nhận ra rằng cách tốt nhất là dạy chữ Quốc ngữ. Tuy nhiên đây chỉ là bước đầu “*bởi vì người An Nam muốn học chữ Pháp cho đến nơi trước hết phải thông hiểu tiếng nước mình đã*”[5;88]. Chính quyền thuộc địa quyết tâm xóa bỏ hệ thống giáo dục truyền thống của Việt Nam, “*áp đặt lên Việt Nam một nền giáo dục mới được Pháp hóa, phổ biến chữ Pháp, nền văn hóa Pháp và sự nghiệp khai hóa văn minh của nước Pháp ở Việt Nam*” [17; 216].

Vì vậy, sử dụng tiếng Pháp trong nhà trường là vấn đề cốt yếu trong những điều chỉnh chính sách giáo dục trong lần cải cách này. Bộ Học quy quy định rõ về vấn đề học tiếng Pháp trong các bậc học và cho rằng học tiếng Pháp mới có thể giúp thanh niên Việt Nam mở mang trí thức. Điều 134 của Bộ Học chính tổng quy viết: “*Về nguyên tắc, các môn học ở bậc tiểu học bắt buộc phải được dạy bằng tiếng Pháp. Việc học chuyên sâu về tiếng Việt không cần thiết đối với học sinh nông thôn – những người không có nhu cầu có bằng tốt nghiệp tiểu học và chỉ quan trọng đối với các học sinh muốn qua đệ nhất cấp. Do đó việc giảng dạy bằng tiếng Pháp không mang tính bắt buộc tại các trường hàng xã; Các bài học về tiếng Pháp là tùy chọn và chỉ bắt buộc đối với các trường tiểu học toàn cấp*”. [1; 368].

Hay trong các trường trung học Pháp – Việt chủ yếu là học chữ Pháp. Trong 27 giờ 30 phút lên lớp mỗi tuần thì có 12 giờ giành cho tiếng Pháp, 8 giờ giành cho các môn khoa học như vật lý, hóa học,... cũng đều học bằng tiếng Pháp.

Về vấn đề dạy chữ Quốc ngữ: Như trên đã nói, vấn đề dạy chữ Pháp có liên quan mật thiết đến vấn đề dạy chữ Quốc ngữ. Theo Học quy, những trường sơ đẳng được dạy hoàn toàn bằng chữ Quốc ngữ, đối với các trường tiểu học kiêm bị thì hai lớp dưới học bằng chữ Quốc ngữ, từ lớp ba trở lên phải dạy hoàn toàn bằng tiếng Pháp. Trong chính sách của nhà

cầm quyền, dạy chữ Quốc ngữ đều nhằm phục vụ lợi ích của họ. Học chữ Quốc ngữ ở mức độ nhất định để giúp cho người học học tiếng Pháp được dễ dàng hơn. Do đó càng lên lớp trên thì thời lượng và mức độ học tiếng Pháp cũng có sự thay đổi.

Về vấn đề dạy chữ Hán: do việc xóa bỏ nền giáo dục Nho học nên vấn đề dạy Chữ Hán cũng được quy định lại trong Bộ Học chính tổng quy như sau: “*Đối với trường sơ đẳng tiểu học thì chữ Hán không phải là môn bắt buộc. Việc dạy chữ Hán phải có sự thỏa thuận của giữa phụ huynh học sinh và hiệu trưởng, Hội đồng kỳ mục xã. Dạy vào thứ năm hàng tuần trong 1 giờ 30 phút*”[5;90]. Đối với các trường tiểu học kiêm bị, đối với hai lớp cuối cấp, chữ Hán được đưa vào thành môn học bắt buộc nếu có yêu cầu và sự thỏa thuận của chính quyền địa phương, phụ huynh và Hội đồng hàng tỉnh.

Như vậy, Bộ học chính tổng quy năm 1917 mở đầu cho cuộc cải cách giáo dục lần hai của chính quyền thuộc địa và nó là cơ sở pháp lí cho việc thực hành chế độ giáo dục trong suốt giai đoạn 1917 – 1929. Những chính sách giáo dục của Albert Sarraut là nhằm hướng đến mục tiêu “Pháp hóa” toàn bộ nền giáo dục, áp dụng chương trình giảng dạy của chính quốc, đặc biệt là đẩy mạnh việc giảng dạy và học bằng tiếng Pháp nhằm hướng trí thức Việt Nam phát triển và hướng đến những hệ giá trị của nước Pháp. Chính sách giáo dục của Albert Sarraut hay còn gọi là chương trình cải cách giáo dục lần hai với xương sống là Bộ Học chính tổng quy đã bước đầu hoàn thiện nền giáo dục Việt Nam. Hệ thống cấp học, chương trình học được quy định cụ thể và biên soạn đầy đủ hơn nhằm giúp học sinh tiếp thu “nền học văn mới”. Với chỉ dụ của Khải Định (ngày 14/6/1919) nền giáo dục Nho học đã bị xóa bỏ.

Từ năm 1920 – 1922 là thời kì Maurice Long làm Toàn quyền, tiếp tục những chính sách của Saraut nhưng có phần rụt rè hơn. Đặc biệt, một chính sách quan trọng của Toàn quyền Maurice Long là đưa các giáo sư, thạc sĩ từ bên Pháp sang giảng dạy.

Như vậy, với Bộ Học chính tổng quy, lần đầu tiên giáo dục Việt Nam có được một bộ luật quy chuẩn mà tất cả các trường học ở Đông Dương phải tuân thủ. Tạo nên một bước ngoặt mới tạo điều kiện cho những yếu tố của văn minh phương Tây du nhập vào nước ta. Mà trước hết là mô hình giáo dục hiện đại phỏng theo giáo dục Pháp được hình thành. Từ đây, giáo dục bản xứ chính thức bị xóa bỏ, chấm dứt các kì thi Nho giáo và thay vào đó là hệ thống các trường Pháp - Việt.

• Chính sách giáo dục của Toàn quyền Merlin (1923 – 1925)

Tháng 2 – 1923, Merlin lên làm Toàn quyền Đông Dương đã đưa ra một số sửa đổi về chính sách giáo dục tại thuộc địa. Ngày 18-9-1924, Merlin kí nghị định sửa đổi một số điểm chung trong bộ Học chính tổng quy. Ông chủ trương chỉ phát triển giáo dục tiểu học, gọi là phát triển giáo dục theo chiều ngang, đồng thời mở rộng hệ thống giáo dục làng xã. Chính sách này của Merlin trước hết nhằm tuyên truyền về việc “*nước Pháp rất chú ý đến truyền thống hiếu học của dân An Nam*” [17;220], đồng thời để đối phó với những tình huống có thể xảy ra khi đóng cửa hàng loạt các trường chữ Hán ở thôn xóm theo quy định của Bộ Học chính tổng quy khiến nhân dân bất mãn. Merlin đưa ra kế hoạch giáo dục phổ cập, gộp tất cả bậc tiểu học, hệ kiêm bị, trường sơ đẳng, các trường tư. Học sinh sau khi học xong hệ sơ đẳng trong 3 năm phải có thi lấy bằng sơ học yếu lược mới được lên học lớp trên. Về vấn đề sử dụng ngôn ngữ, ông bãi bỏ quy định học tiếng Pháp từ lớp sơ đẳng mà chỉ bắt buộc dạy ở hai lớp nhì và lớp nhất. Ở bậc tiểu học: Số giờ dạy tiếng Pháp ở 3 lớp Đòng ấu, Dự bị, Sơ đẳng được quy định ở mỗi xứ có khác nhau nhưng trung bình mỗi tuần lớp đòng ấu học từ 5 giờ đến 5 giờ 30 phút, đối với lớp dự bị học từ 7 giờ đến 7 giờ 47 phút, đối với lớp sơ đẳng từ 8 giờ 45 đến 10 giờ. Dựa vào quy định về thời lượng học tiếng Pháp ở các lớp này có thể thấy tiếng Pháp gần như đã trở thành một môn chính khóa. Ở bậc trung học, tiếng Pháp tiếp tục được chú trọng, đòi hỏi phải nâng cao trình độ tiếng Pháp cho học sinh. Ngày 26-12-1924, Toàn quyền Merlin ra nghị định về việc phải nâng cao trình độ tiếng Pháp cho học sinh. Ở bậc cao đẳng, Merlin cho sáp nhập một số trường và lập thêm một số trường mới. Như lập trường Mĩ thuật Đông Dương (theo nghị định ngày 27-10-1924).

• Chính sách giáo dục của Toàn quyền Varenne (1925 – 1928)

Tiếp sau những điều chỉnh về chính sách giáo dục của Merlin, ngay sau khi lên làm Toàn quyền (28/7/1925) Varenne đã tiến hành một số chính sách mới đối với giáo dục. Varenne chủ trương phát triển trường học đến tận các làng xã. Trên cương vị Toàn quyền Đông Dương, Varenne ra nghị định ngày 2-12-1926 buộc các làng phải mở trường học, lấy kinh phí từ làng. Đó là loại trường học kiểu mới gọi là “trường hương thôn”. Chương trình học ở các trường sơ học hương thôn là “*các môn luân lý, thể dục, môn đọc, viết, lịch sử, địa lý, làm tính, vẽ và thủ công. Các loại trường này có thể thay thế cho các trường sơ học Pháp – Việt hay các lớp sơ học của các trường Tiểu học Pháp – Việt*” [6;127]. Các làng tự thuê thầy giáo miễn rằng có bằng tiểu học Pháp – Việt và trên 18 tuổi. Sau khi nghị định

được ban hành, trên thực tế mỗi làng có một trường học kiểu này, nơi học có thể được tổ chức trong các đình làng, chùa chiền, miếu.

Giáo dục vùng dân tộc ít người cũng được chú ý đến, căn cứ vào tình hình mỗi địa phương để tổ chức việc học với phương châm phát triển giáo dục trong các dân tộc để đáp ứng yêu cầu cần có những người đọc được các công văn giấy tờ từ các cấp trên gửi về cho các làng xã, cố gắng làm cho các dân tộc đều được học bằng tiếng mẹ đẻ. Ngoài ra, Varenne còn có một số điều chỉnh về mở rộng và tổ chức lại bậc trung học, cao đẳng và chương trình học cho phù hợp với từng cấp.

Tiểu kết chương 2

Nhằm phục vụ cho mục đích khai thác thuộc địa, tuyên truyền cho chính sách Pháp - Việt đề huê và trong bối cảnh mới của tình hình chính trị, kinh tế mà thực dân Pháp đã ban hành các chính sách giáo dục, “phát triển giáo dục” ở Việt Nam. Với Bộ Học chính tổng quy được ban hành dưới thời Toàn quyền Albert Sarraut, giáo dục Việt Nam từ đây có một “bộ luật” giáo dục mà tất cả các trường Đông Dương phải tuân theo. Những điều chỉnh sau đó của Toàn quyền Merlin và Varenne đều nhằm củng cố, hoàn chỉnh hệ thống giáo dục thuộc địa, phục vụ cho mục đích cai trị của chủ nghĩa thực dân. Những thay đổi trong chính sách giáo dục của Pháp trong giai đoạn này được thể hiện rõ trong những quy định về tổ chức các cấp học, chương trình dạy học, sử dụng ngôn ngữ trong nhà trường, quy định về học bổng,... Việc ban hành những chính sách này và triển khai thực hiện trên thực tế đã tạo nên diện mạo mới cho nền giáo dục Việt Nam. Đặc biệt, việc xóa bỏ nền giáo dục Hán học là bước ngoặt lớn của giáo dục Việt Nam trong giai đoạn này. Bên cạnh những mặt hạn chế nằm trong mục đích của thực dân Pháp thì đó là điều kiện, là cầu nối cho nhiều thành tố văn minh phương Tây du nhập vào Việt Nam.

Chương 2: Những biểu hiện ảnh hưởng của văn minh Phương Tây đối với Việt Nam

2.1 Mô hình giáo dục

Trong bối cảnh nền giáo dục Nho giáo ở Việt Nam đang trên đà suy tàn, với lối học lạc hậu theo kinh nghĩa Trung Hoa không thể đào tạo được nhân tài cho đất nước. Hơn nữa, sự tồn tại của nền giáo dục Hán học là rào cản lớn trong việc thực hiện âm mưu “Pháp hóa” nền giáo dục thuộc địa và đào tạo những người thừa hành phục vụ cho công việc của nhà thực dân cùng những mục đích khác. Pháp đã có bước đi dứt khoát là nhanh chóng xóa

bỏ những trở ngại trên con đường chinh phục và cai trị thuộc địa. Với những chính sách giáo dục được quy định trong Bộ Học chính tổng quy ban hành năm 1917 đã tạo ra một bước ngoặt lớn đối với nền giáo dục Việt Nam. Từ nay không còn tình trạng tồn tại song song hai nền giáo dục: giáo dục truyền thống – Nho học và giáo dục hiện đại – giáo dục Pháp – Việt nữa. Thay vào đó là nền giáo dục với mô hình hoàn toàn mới. Năm 1918, kì thi Hương cuối cùng được tổ chức ở Trung Kỳ. Năm 1919, kì thi Hội và thi Đình cuối cùng được tổ chức tại Huế. Và với chỉ dụ của Khải Định ngày 14/6/1919, tuyên bố xóa bỏ hoàn toàn giáo dục Nho học đã đánh dấu sự cáo chung của các trường Hán học và thay vào đó là hệ thống các trường Pháp - Việt.

Những chính sách giáo dục của Pháp trong giai đoạn này là điều kiện, phương cách để những thành tựu giáo dục phương Tây du nhập vào Việt Nam, trước hết là ảnh hưởng của mô hình giáo dục tiến bộ. Căn cứ vào chính sách của các viên Toàn quyền cùng với kết quả triển khai thực hiện trên thực tiễn cho thấy rõ hệ thống trường học được lập và tổ chức theo mô hình hiện đại, hệ thống giáo dục được tổ chức rộng khắp, khác với mô hình giáo dục Việt Nam thời kì trước. Trước đây, giáo dục Nho học gồm 3 bậc: Ấu học, Tiểu học và Trung học và đến năm 1916 có sự thay đổi gồm hai bậc là Ấu học và Tiểu học. Giáo dục Việt Nam theo cải cách của Albert Sarraut được chia làm ba cấp, tương ứng với bậc tiểu học, trung học, cao đẳng và đại học. Nền giáo dục Việt Nam được đặt dưới quyền quản lí của Nha học chính Đông Pháp. Với mô hình giáo dục này, hệ thống trường lớp đa dạng được phân chia phù hợp với tâm sinh lí và độ tuổi học sinh. Các cấp học được tổ chức theo trình độ nâng cao dần. Với việc triển khai thực hiện những chính sách của Albert Sarraut và Maurice Long ở Việt Nam đã dẫn đến thay đổi lớn, số lượng trường học đã tăng lên nhanh chóng ở cả 3 cấp học, hàng loạt các trường chữ Hán phải đóng cửa. Số lượng các trường tiểu học tăng lên nhanh chóng. Nếu như năm 1914, có 52000 học sinh trên tổng số 837 trường thì năm 1919 lên tới 120.000 học sinh với 2.879 trường [17; 217]. Dưới thời cầm quyền của Maurice Long thì số lượng trường học cũng tăng lên đáng kể. Năm 1922, có 2989 trường với tổng số 162.000 học sinh. Trong niên khóa 1922-1923, trên cả nước có 3116 trường tiểu học với tổng số 175,000 học sinh [17;217]. Về các trường cao đẳng tiểu học và trung học, phân bố ở Hà Nội, Huế và Sài Gòn là: Trường Bảo hộ hay còn gọi là trường Bưởi, Trường Nữ học (Đông Khánh), Trường Quốc học Huế, Trường Nữ học Sài Gòn, Trường Trung học Mỹ Tho và 2 trường trung học ở Hà Nội là Trường Albert Sarraut

và ở Sài Gòn là Trường Chasseloup Laubat . Hệ thống các trường cao đẳng mới cũng được mở ra như Trường Y Dược, Trường Công Chính, Sư Phạm, Thú Y, Trường thương mại, Canh nông,... Các trường dạy nghề cũng được thành lập chủ yếu ở các thành phố lớn như Nam Định, Hà Nội, Hải Phòng,... với hệ thống các trường Cơ khí. Thêm nữa, với những điều chỉnh trong chính sách giáo dục của Toàn quyền Merlin và Varenne, giáo dục còn được mở rộng xuống tận làng xã. Toàn quyền Merlin chủ trương mở rộng hệ thống giáo dục làng xã, đưa ra kế hoạch giáo dục phổ cập. Khi lên cầm quyền, Varenne đã ra nghị định (2-12-1926) buộc các làng phải mở trường học, đó là các trường hương thôn. Theo quy định mới của Varenne, mỗi xứ có cách tổ chức trường lớp khác nhau: Ở Bắc Kỳ, mỗi làng có một trường gọi là hương học; ở Trung Kỳ, hai đến ba làng có thể tổ chức một trường gọi là liên hương. Ngoài ra, giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số cũng được quan tâm, chú ý. Việc mở thêm các lớp dự bị và các trường phổ cập ở thôn quê đã tạo ra nhiều chuyển biến mới, số lượng trường tiểu học tăng lên, làm tăng số trẻ em được xóa mù chữ. Như vậy, bên cạnh các trường công có một hệ thống các trường làng do làng tổ chức. Với các chính sách này, hệ thống giáo dục đã được tổ chức rộng khắp. Học sinh ở các vùng quê nghèo cũng được đi học, học sinh được học các môn luân lý, thể dục, môn đọc, viết, lịch sử, địa lý, làm tính, vẽ và thủ công, được tiếp xúc với lối học mới khác hẳn với lối học cũ trước đây. Nhờ phát triển hệ thống giáo dục làng xã, số người biết đọc tăng lên, học sinh ít nhiều được tiếp xúc với văn hóa Pháp. Đó cũng là cơ sở và điều kiện để văn minh phương Tây, không chỉ dừng lại ở thành thị mà còn có phạm vi ảnh hưởng rộng hơn. Quá trình chuyển đổi từ giáo dục Nho học sang giáo dục Tây học là một bước chuyển mới. Một nền giáo dục hiện đại được tổ chức và ngày càng hoàn thiện. Thông qua đó, mà các tri thức văn minh phương Tây được chuyển tải đến học sinh của từng cấp học. Mô hình giáo dục ở Việt Nam đã rất gần với mô hình giáo dục của Pháp, khác hẳn với giáo dục Nho học trong thời kì trước, hòa nhập với trào lưu tiên tiến nhất của nền giáo dục đại học thế giới.

Giáo dục đại học cũng có bước chuyển mới. Sau lần khai giảng đầu tiên năm 1907, năm 1917 là lần khai giảng thứ hai của trường Đại học Đông Dương. Khoảng hơn 10 năm sau lần khai giảng đầu tiên, Pháp đã tổ chức một số trường cao đẳng (trên danh nghĩa mô hình đại học) vẫn phải nhận những sinh viên có trình độ cao đẳng tiểu học. Sau đó, Pháp đã nâng cấp các trường cao đẳng thành đại học, mở thêm trường cao đẳng mới . *“Theo diễn văn khai mạc của Giám đốc Đại học Đông Dương, Đại học Đông Dương gồm những*

trường sau: Trường Y và Dược, Trường Thú Y, Trường Nông Lâm, Trường Luật và Hành chính, Trường Sư phạm” [8;227]. Đây là trường đại học kiểu mới được tổ chức ở Hà Nội, được xây dựng “theo mô hình phương Tây hoàn toàn, không hề có mối liên hệ nào với truyền thống đại học của Việt Nam” [8;223]. Giáo dục Đại học qua chính sách của thực dân Pháp trong giai đoạn này cũng góp phần quan trọng chuyển tải những thành tựu của văn minh phương Tây đến Việt Nam. Sự phụ thuộc về mặt chuyên môn của Đại học Đông Dương và các trường thành viên của nó vào Đại học Paris ở Pháp hướng tới hình thành một diện mạo hoàn toàn mới cho trí thức hiện đại Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung. Thông qua những nhà trường của Đại học Đông Dương với chương trình giảng dạy cũng như đội ngũ giảng viên là các nhà khoa học ưu tú, như Yersin – Hiệu trưởng đầu tiên của trường Đại học Y mà sinh viên Việt Nam được biết đến trí thức khoa học phương Tây.

Một ví dụ điển hình về vai trò của giáo dục đại học đối với quá trình chuyển tải thành tựu văn minh phương Tây đến Việt Nam là Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Trường được thành lập theo quyết định của Thống đốc Toàn quyền Đông Dương kí ngày 27-10-1924. Được khai giảng năm 1925, Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương là trường Mỹ thuật đầu tiên và có ảnh hưởng lớn đến đời sống văn hóa của Việt Nam. Giảng viên của trường là những học giả, nghệ sĩ danh tiếng người Pháp từng đạt nhiều giải thưởng danh giá (giải thưởng Đông Dương, giải Khôi nguyên La Mã,...). Nhiều giảng viên người Việt tài ba được đào tạo từ những trường đại học nổi tiếng của Pháp. Trường đã mang lại cung cách mới của Mỹ thuật phương Tây đến Việt Nam, một quốc gia mà trước đó hội họa không phải là một ngành nghệ thuật phát triển. Các mô típ và tư tưởng nghệ thuật phương Tây ngày càng có ảnh hưởng sâu đậm trong lối tư duy và sáng tác của các nghệ sĩ Việt Nam. Có rất nhiều loại hình mỹ thuật mới chịu ảnh hưởng hoặc mô phỏng của phương Tây mặc dù đã phát triển và mở rộng hơn trước nhưng vẫn chưa đủ sức lấn át nét truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc [10;227].

Như vậy, mặc dù còn nhiều hạn chế nhưng việc xây dựng nền giáo dục Pháp – Việt ở Việt Nam thay thế cho nền giáo dục Nho học, chấm dứt tình trạng tồn tại song song hai nền giáo dục là một bước ngoặt lớn và là một biểu hiện cụ thể về ảnh hưởng của văn minh phương Tây qua chính sách giáo dục của Pháp trong giai đoạn này. Mô hình giáo dục hiện đại ở Việt Nam đang xích gần với mô hình giáo dục Pháp, mà trong đó nhiều yếu tố sẽ là điều kiện trực tiếp hay gián tiếp để văn minh phương Tây du nhập vào Việt Nam.

2.2 Ngôn ngữ trong nhà trường

Cùng với việc xóa bỏ nền giáo dục Hán học là việc đẩy mạnh học chữ Pháp và chữ Quốc ngữ. Theo điều chỉnh của Albert Sarraut ngày 20-3-1918, tiếng Pháp sẽ bắt đầu dạy từ lớp sơ đẳng, còn tiếng Việt là ngôn ngữ chủ yếu của lớp Đồng ấu và lớp Dự bị [20;95]. “Đến lúc này, trong môi trường giáo dục, tiếng Việt đảm nhận chức năng là “cỗ xe dùng để chở tư tưởng Pháp, tất cả những khái niệm mà học sinh cần phải có về những bước tiến đã được thực hiện trên đất nước của họ từ khi người Pháp sang cai trị, nói lên đầy đủ về hòa bình, an ninh, về sự khai thác những tài nguyên thiên nhiên, về sự phát triển giáo dục, y tế, tóm lại là sự nghiệp người Pháp Đông Dương” [20;79]. Vấn đề dạy chữ Quốc ngữ có quan hệ mật thiết đến vấn đề dạy tiếng Pháp và đều nhằm phục vụ cho mục đích cai trị của Pháp. Như trên đã trình bày, chữ Quốc ngữ trở thành ngôn ngữ chính ở trường sơ đẳng và hai lớp dưới của trường kiêm bị. Cỗ vũ cho phong trào học chữ quốc ngữ trong mục đích của nhà thực dân là nhằm cắt đứt sợi dây kết nối giữa trí thức Việt Nam với văn minh Trung Hoa, cắt đứt những ảnh hưởng của quá khứ. Cũng giống như Pháp, người Việt Nam cũng cỗ vũ phong trào học chữ quốc ngữ, tuy nhiên lại với mục đích khác và mang lại hệ quả ngoài mong muốn của thực dân Pháp. Người Việt học chữ Quốc ngữ để hiện đại hóa dân tộc, nâng cao trình độ dân trí. Chữ Quốc ngữ là con thuyền chở những tư tưởng tiến bộ, những tri thức khoa học của Pháp đến người dân Việt Nam. Đặc biệt nó còn thúc đẩy sự phát triển của báo chí và thông qua báo chí bằng chữ Quốc ngữ mà người Việt Nam dần không thông thạo tiếng Pháp cũng có thể tiếp cận các tư tưởng triết học ánh sáng của Pháp, tư tưởng dân chủ tư sản ở Trung Hoa, và trong chừng mực nào đó tiếp cận với văn học và thành tựu văn minh của các nền văn minh lớn trên thế giới.

Tiếng Pháp trong chương trình học ở các cấp học được quy định cụ thể. Tiếng Pháp chiếm phần nhiều thời lượng học so với các môn khác. Qua những điều chỉnh của các viên Toàn quyền, tiếng Pháp ngày càng được chú trọng, yêu cầu đặt ra là phải nâng cao trình độ tiếng Pháp. “*Nam Phong tạp chí biện hộ cho việc Bộ Học chính tổng quy yêu cầu sử dụng tiếng Pháp trong trường. Sách giáo khoa bằng tiếng Việt trong các trường sơ đẳng cũng rất cần thiết song các trường tiểu học chỉ dạy bằng chữ quốc ngữ thì học trò không thể trực tiếp nhận thức thế giới, kiến thức sẽ bị hạn chế trong phạm vi họ sinh ra và lớn lên, khó thể mở rộng ra được. Vì tiếng Việt không được dùng trong các văn bản thế giới, cũng như chưa đủ danh từ khoa học để diễn tả các môn học mới từ phương Tây. Do đó, chỉ tiếng*

Pháp mới giúp thanh niên mở mang tri thức. Vậy nên phải dạy tiếng Pháp trong các trường tiểu học". [11;116]. Cũng theo Nguyễn Văn Vĩnh, việc học tập và sử dụng tiếng Pháp trong đời sống hàng ngày có vai trò quan trọng. "*Những trao đổi của mọi người trong các lĩnh vực như: Luân lý, chính trị, triết học, khoa học tự nhiên....Họ đều sử dụng tiếng Pháp một cách tự nhiên. Ngay cả trong lúc tâm sự, tiếng Pháp cũng giúp được họ bộc lộ những kiến thức mới tiếp thu được*"[30]. Tiếng Pháp thực sự là tiếng để tranh luận, bởi vai trò của nó trong các lĩnh vực chính trị, khoa học và đời sống hàng ngày. Những điều chỉnh về việc sử dụng ngôn ngữ trong nhà trường của Toàn quyền Merlin và Varren với việc tăng số giờ học tiếng Pháp càng cho thấy việc coi trọng tiếng Pháp trong nhà trường của thực dân Pháp. Tiếng Pháp gần như là một môn chính khóa đối với các lớp đồng ấu, dự bị, sơ đẳng ở trường kiêm bị theo điều chỉnh của Toàn quyền Merlin. Trong tổng số giờ học 27 giờ 30 phút mỗi tuần thì trung bình khoảng 5 giờ đến 5 giờ 30 phút mỗi tuần dành cho học tiếng Pháp đối với lớp đồng ấu,... Về mặt khách quan, việc đẩy mạnh sử dụng tiếng Pháp trong nhà trường ít nhiều dẫn đến những hệ quả tích cực.

Việc bỏ chữ Hán để thay thế bằng tiếng Pháp và một phần chữ Quốc ngữ là điều kiện thuận cho ảnh hưởng của văn minh phương Tây đến Việt Nam. Trước hết nó làm thay đổi dần lối tư duy và những kiến thức rập khuôn có sẵn trong sách vở chữ Hán trước đây. Theo lối học của Trung Hoa, học sinh học "Tứ thư", "Ngũ kinh", học để "tề gia", "trị quốc", "bình thiên hạ". Chính vì vậy, nó kìm hãm tư duy của người học, làm trì trệ nền giáo dục và là lực cản lớn đối với sự phát triển của đất nước. Trong giai đoạn này, với Bộ Học chính tổng quy, việc dạy – học bằng tiếng Pháp và một phần chữ quốc ngữ là điều kiện để người học tiếp cận với những tư tưởng và nền văn minh phương Tây hiện đại. Thực dân Pháp đẩy mạnh sử dụng chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp trong nhà trường thay thế chữ Hán, sử dụng nó như là một phương tiện để cắt đứt mọi sự tiếp xúc với văn minh Trung Hoa, cắt đứt mọi ảnh hưởng của nền giáo dục Trung Hoa đến Việt Nam. Bởi chữ Hán và nền giáo dục Nho học là bước cản trở lớn đối với công cuộc cai trị và chiếm lĩnh trái tim khối óc của người Việt Nam. Tuy nhiên, vô hình chung nó lại là điều kiện để người Việt tiếp xúc và tiếp nhận những thành tựu của văn minh phương Tây. Giáo dục thực dân đã trang bị cho học sinh thứ ngôn ngữ hữu ích để mở rộng giao tiếp cũng như tiếp nhận các kiến thức khoa học mới, mở rộng hiểu biết của mình đối với các nền văn minh trên thế giới. Rất nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật của Pháp và thế giới được dịch ra tiếng Pháp, mang lại những hiểu biết mới

cho trí thức Việt Nam. Theo chương trình giáo dục mới, nhiều môn khoa học như vật lý, toán học, hóa học ở nhiều lớp theo quy định phải dạy và học hoàn toàn bằng tiếng Pháp. Tuy việc thực hiện và kết quả đạt được còn nhiều hạn chế nhưng cũng mang lại nhiều tác động tích cực. Đó là thông qua các sách Pháp mà nền văn minh châu Âu được biết tới. Điều đó thực sự mở ra chân trời mới đối với thanh niên Việt Nam. Và thông qua tiếng Pháp và chữ quốc ngữ mà những tư tưởng tiến bộ của châu Âu cũng được truyền vào Việt Nam

Nhờ cải cách giáo dục, đặc biệt là chính sách sử dụng chữ Quốc ngữ hay tiếng Pháp trong nhà trường mà số người biết đọc tăng lên, góp phần thúc đẩy sự phát triển của báo chí. Và sự phát triển của báo chí chính là một kênh để truyền bá văn minh phương Tây vào Việt Nam.

2.3 Chương trình giáo dục

Với những quy định trong Bộ Học chính tổng quy, chương trình giáo dục ở Việt Nam được tổ chức theo hướng hiện đại. Nội dung giáo dục toàn diện, mở rộng ra nhiều lĩnh vực. Học sinh không chỉ học các môn khoa học xã hội như: Lịch sử, địa lý,... mà còn được học các môn khoa học tự nhiên như vật lý, hóa học, toán,... Ở bậc giáo dục trung học: Môn Lịch sử, học sinh được học về lịch sử các nền văn minh lớn phương Tây và phương Đông: Hi Lạp, Ai cập, Ấn Độ, Trung Hoa; Những phát kiến lớn, hàng hải, sự bành trướng của người da trắng; những thời kì lớn của lịch sử Đông Nam Á. Môn địa lý, học sinh học về địa lý đại cương về trái đất và dân số; Đông dương thuộc Pháp địa lí tự nhiên, kinh tế nông nghiệp,...). Nội dung của các môn học cũng được quy định cụ thể, chi tiết đối với các cấp học. Như ở cấp tiểu học, chương trình học gồm các môn học sau: Đạo đức, giáo dục thể chất, ngôn ngữ bản địa, tiếng Pháp, số học và hệ mét, hình họa họa hình, khoa học thường thức, địa lý, lịch sử, vẽ, thủ công và chữ Hán. Chương trình với thời khóa biểu chặt chẽ trong các trường học, đa dạng hóa môn học đã mở ra những hướng đi khác nhau cho người học. Đào tạo nên những con người phục vụ trong các ngành nghề đa dạng. Bởi vậy, việc học không viên vông như trước, học không chỉ để làm quan hay “gỗ đầu trẻ” mà học những ngành khoa học, y học,... để phục vụ dân sinh. Tinh thần khoa học đã làm thay đổi tư duy và lối sống của học sinh.

Bên cạnh học luân lý, đạo đức học sinh còn được học làm toán, làm các bài tập về tính toán chi tiêu, mua sắm, đặc biệt là các môn tập nghề cũng được đưa vào giảng dạy

trong các nhà trường. Nữ sinh được học về thủ công, đan lát, thêu may. Nam sinh được học về các nghề như nghề sắt, nghề mộc, hay sửa chữa máy móc. Khác với nền giáo dục trước đây chủ yếu gói gọn trong hai chữ “sĩ”, “nông”, thì nay với chương trình học mở rộng, người học được đào tạo để phục vụ cho nhiều ngành nghề khác nhau. Điều đó góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa xã hội và là đặc trưng cho các xã hội phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.

Trong các nhà trường Pháp – Việt, học sinh được tiếp xúc nhiều với lịch sử và văn chương Pháp cũng như văn chương thế giới. Ngoài những tác phẩm văn học của Pháp còn có nhiều tác phẩm văn học trên thế giới được dịch ra tiếng Pháp, đó là những tác phẩm của các tác gia nổi tiếng trong nền văn học Pháp như: Vichitor Huygo, La Fontaine,...Điều đó cũng tạo nên thay đổi lớn về suy nghĩ và quan điểm mới trong sáng tác văn học nghệ thuật của nhiều trí thức Việt Nam. Từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất, “văn học mới” đã chiếm được ưu thế trên văn đàn và được đông đảo công chúng tiếp nhận. Lần đầu tiên, tự do cá nhân được lên tiếng ca ngợi và bảo vệ trong các tác phẩm văn học. Như tiểu thuyết “Tổ tâm” của Hoàng Ngọc Phách, với tác phẩm này, lần đầu tiên trong văn học Việt Nam các tập tục tâm lí truyền thống của Nho giáo đã bị phê phán gay gắt, tự do cá nhân lại được ca ngợi và bảo vệ. Những chuyển biến trong sáng tác nghệ thuật cũng chính là những chuyển biến trong đời sống xã hội, dưới tác động của tư tưởng tiến bộ phương Tây.

Lối học theo kinh điển nho gia, trọng văn chương thơ phú đã hoàn toàn nhường chỗ cho chương trình học mới được tổ chức chặt chẽ từ đơn giản đến phức tạp, từ thấp đến cao. Đó là chương trình học được tổ chức thống nhất trên toàn Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng mà các nhà trường phải tuân thủ. Qua đó học sinh sẽ được phát triển một cách toàn diện cả về trí tuệ và thể lực. Và với những sách giáo khoa mới “*sẽ sửa chữa những sai lầm chính của khoa học và văn hóa cũ*” [3;47]. Đó là những tri thức sai lầm, lối thời lạc hậu trong trường học Nho gia luôn trói buộc người học trong vòng chật hẹp. Từ nay, sách giáo khoa chứa đựng các tri thức khoa học phương Tây trên các lĩnh vực, tuy còn hạn chế và nhỏ giọt nhưng ít nhiều cũng đã mở rộng tầm nhìn của trí thức Việt Nam ra thế giới. Hình thành phương pháp tư duy duy lý, tìm tòi, nghiên cứu trong một bộ phận trí thức Việt.

Như vậy, chương trình học, nhất là chương trình trung học, cao đẳng và chuyên nghiệp thay cho những chương trình học trong sách vở bằng chữ Hán trước đây cũng là

một trong những ảnh hưởng của giáo dục phương Tây, tạo ra nhiều thay đổi trong việc học của học sinh Việt Nam. Học sinh chuyển từ lối học thụ động sang lối học tích cực, chủ động, tiến gần với phong cách và lối học hiện đại phương Tây. Qua các môn khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn mà học sinh biết đến một vài thành tựu của văn minh Châu Âu, mở ra những chân trời mới lạ cho thanh niên Việt Nam.

2.4 Những yếu tố khác

Từ duy trì song song hai nền giáo dục đến xóa bỏ nền giáo dục Hán học, mở rộng hệ thống giáo dục Pháp – Việt ở Việt Nam, những chính sách giáo dục mà Toàn quyền Đông Dương ban hành và triển khai thực hiện trong giai đoạn 1917 – 1929 đã mang lại nhiều hệ quả khách quan ngoài mong muốn của Pháp. Trước hết, nền giáo dục mà Pháp tổ chức ở Việt Nam trong giai đoạn này tạo ra đội ngũ trí thức Tây học (tân học) đông đảo. Phát triển nền giáo dục Tây học cho người bản xứ, người Pháp lo ngại rằng nếu phát triển một cách đầy đủ thì khác nào trao cho họ vũ khí để chống lại mình. Tuy nhiên, để phục vụ cho công cuộc khai thác và thống trị rất cần những người bản xứ có trình độ kiểu Pháp. Thêm vào đó, xóa bỏ nền giáo dục Nho học – trở lực lớn đối với tương lai của Pháp ở đây nhưng nếu không phát triển nền giáo dục Tây học sẽ tạo ra khoảng trống trong nền giáo dục Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng. Nhưng từ chính nền giáo dục này đã tạo ra đội ngũ trí thức Tây học đông đảo. Họ là sản phẩm của nền giáo dục kiểu phương Tây được du nhập vào Việt Nam. Bởi nếu trước đây, nhà trường Hán học đào tạo ra đội ngũ trí thức Nho học thì nền giáo dục kiểu phương Tây được du nhập vào Việt Nam đã tạo ra đội ngũ trí thức Tây học. Nền giáo dục mới được tổ chức ở Việt Nam từ sau khi Bộ Học chính tổng quy được ban hành có nội dung và hình thức khác hẳn về chất so với mô hình giáo dục trước đó. Đó là một nền giáo dục khoa học, hiện đại với chương trình học bao gồm các môn khoa học tự nhiên, kỹ nghệ, khoa học xã hội và nhân văn. Vì vậy, sản phẩm của nền giáo dục đó là đội ngũ có nền tảng tri thức của trí thức Tây học. Họ dần thay thế cho lớp trí thức Nho học vốn được xã hội phong kiến trọng vọng trong nhiều thế kỉ, nhưng đến nay đã trở nên lạc lõng trước thời cuộc. Tầng lớp này bao gồm những người học chương trình tiểu học, trung học trong các trường Pháp – Việt ra làm giáo viên, công chức ở Đông Dương. Có một bộ phận du học ở Pháp về như Phạm Ngọc Thạch, Trần Đức Thảo,... Như vậy, tầng lớp trí thức tân học này hoạt động trong các ngành nghề khác nhau. Một số người là giáo viên giảng dạy trong các trường Sơ học, Tiểu học, Trung học hay cả Đại học. Ngoài

ra họ còn làm các nghề khác như luật sư, bác sĩ,... chính họ là bộ phận góp phần thay đổi nhận thức xã hội thay đổi tư duy về cuộc sông, kinh tế và có cách nhìn nhận mới về văn hóa. Đội ngũ trí thức này được đào tạo trong nước và nước ngoài (họ đi du học theo những ngã đường khác nhau: nguồn lực của gia đình và Học bổng của Chính phủ Pháp).

Người Pháp du nhập hệ thống giáo dục phương Tây vào Việt Nam với mục tiêu đào tạo ra lớp người thừa hành, đội ngũ công nhân kĩ thuật, giúp việc có trình độ, phục vụ cho công cuộc cai trị của các nhà thực dân. Tầng lớp trí thức Tân học Việt Nam được đào tạo trong các trường học của Pháp, học lịch sử nước Pháp nhiều hơn lịch sử nước Nam nhưng họ lại có một nền tảng giáo dục rất vững chắc. Thông qua chính sách giáo dục mà Pháp ban hành và thực hiện trong giai đoạn này, nhiều người Việt Nam đã tiếp thu tri thức của văn minh phương Tây một cách có chọn lọc. Các trí thức Tân học đã tiếp nhận những kiến thức và kĩ năng về khoa học và kĩ thuật, cùng hệ thống giá trị mới của tư tưởng Khai sáng về tự do, bình đẳng, bác ái,...họ chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn minh phương Tây, hấp thụ và thấm nhuần văn hóa phương Tây. Họ được tiếp cận với nhiều luồng thông tin tiên bộ, được hưởng nền giáo dục mới nên họ nhận rõ được những ưu việt của văn minh phương Tây. Họ đọc được sách báo trong và ngoài nước, tiếp thu ảnh hưởng của những luồng tư tưởng mới, của không khí cách mạng sôi nổi đang diễn ra trên thế giới... Họ trực tiếp truyền bá tư tưởng khoa học và tư tưởng dân chủ phương Tây cho nhân dân, nỗ lực truyền bá văn minh phương Tây vào Việt Nam.

Một yếu tố khác là qua chính sách giáo dục mà Toàn quyền Pháp ban hành và thực hiện trong giai đoạn này mà vị thế của người phụ nữ đã thay đổi. Phụ nữ Việt Nam được chính thức chấp nhận vào trường học, được công nhận ngang bằng với nam giới. Năm 1917, theo nghị định 2229, kí ngày 10/11/1917, cho phép mở Cơ sở giáo dục Nữ sinh Việt Nam với hai bậc: tiểu học và cao đẳng tiểu học . Về sau, mở các Cơ sở đào tạo nữ giáo viên phục vụ cho việc giảng dạy trong các trường học. Trong trường học, học sinh được học môn chính là chữ Quốc ngữ, tiếng Pháp, số học, địa lý, luân lý, vệ sinh, các môn học nữ công gia chánh như quản lí gia đình, may vá, thêu, nấu ăn,...Đây thực sự là điểm mới trong giáo dục và tạo ra bước ngoặt trong nhận thức của người dân đối với các vấn đề về xã hội.

Việc tiến hành chương trình cải cách giáo dục lần thứ hai (1917 – 1929) của Pháp ở Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng còn tạo điều kiện cho nhiều thành tố văn

minh phương Tây du nhập, ảnh hưởng đến Việt Nam trên các lĩnh vực khác, tạo ra những chuyển biến quan trọng. Như trong lĩnh vực y tế: Các Trường Y và Dược – thành viên của Đại học Đông Dương tuy không thể ngang bằng với trường Y ở nước Pháp, chỉ là cơ sở đào tạo “công nhân y tế”, nhưng trong chương trình đào tạo trường đã ít nhiều cung cấp những kiến thức sơ đẳng về lý thuyết ngành y. Chú ý đến đào tạo công nhân viên y tế như y tá, y sĩ, dược sĩ và đào tạo các nữ hộ sinh; việc phòng và chữa các bệnh dịch, bệnh truyền nhiễm, bệnh xã hội; phổ biến lý thuyết vi trùng để tuyên truyền về vệ sinh. Tuy còn hạn chế, nhưng bước đầu đã áp dụng các phương pháp điều trị của phương Tây để ngăn ngừa bệnh tật, dịch bệnh, nhiều phương pháp chữa bệnh mới – Tây y từng bước du nhập vào Việt Nam. Tuy nhiên, nhìn chung việc giáo dục đào tạo những cán bộ y tế trong giai đoạn này còn ở trình độ rất hạn chế: cả về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, trình độ chuyên môn,...

Nhờ cải cách giáo dục, đặc biệt là việc bỏ chữ Hán để thay bằng tiếng Pháp và một phần chữ Quốc ngữ, số người biết đọc tăng lên cũng tức là đã tạo ra cơ hội cho sự phát triển của báo chí. Báo chí là một kênh quan trọng góp phần truyền tải những hiểu biết về văn minh phương Tây đến Việt Nam. Chính quyền Pháp cho xuất bản các sách báo phổ biến tư tưởng Âu châu như tờ báo Nam Phong tạp chí của Phạm Quỳnh để tuyên truyền văn minh Pháp. Tuy nhiên, mục đích sâu xa của chúng là tán dương cho chủ nghĩa Pháp – Việt đề huề, Pháp – Việt nhất gia. Có rất nhiều báo chí cách mạng viết bằng tiếng Pháp hoặc đã được dịch ra chữ Quốc ngữ được phổ biến trong nhiều tầng lớp nhân dân, truyền tải đến họ những tư tưởng tiên bộ của tư sản, tư tưởng Mác – Lê nin, tư tưởng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc (như tờ Leparia, Thanh niên được truyền bá từ bên ngoài vào Việt Nam, tuy nhiên bị kiểm duyệt gắt gao). Nhiều tờ báo xuất hiện ở Việt Nam mặc dù nhằm tuyên truyền cho chính quyền thuộc địa tuy nhiên nó cũng góp một phần nhất định vào việc phổ biến những hiểu biết về văn minh phương Tây đến Việt Nam.

Về nghệ thuật, việc thành lập trường Mỹ Nghệ và Mỹ thuật Đông Dương giữ vai trò quan trọng trong việc chuyển tải nhiều thành tố của văn minh phương Tây đến Việt Nam. Trường đã mang lại cung cách mới của mỹ thuật và điêu khắc của phương Tây đến Việt Nam, một quốc gia mà trước đó hội họa không phải là một ngành nghệ thuật phát triển. Một đội ngũ các họa sĩ và các nhà điêu khắc được đào tạo, trên cơ sở tiếp nhận những giá trị của điêu khắc hội họa từ văn minh phương Tây, họ chính là những người mở đầu cho

đội ngũ nghệ sĩ tạo hình hiện đại Việt Nam. Được sự đào tạo của các giáo sư Pháp trong trường Đại học Mỹ thuật Đông Dương, các họa sĩ Việt Nam sẽ tiếp thu được các kỹ thuật và phương pháp sáng tác của hội họa châu Âu. Một thành tựu nổi bật là việc sử dụng các chất liệu truyền thống như lụa, sơn mài, kết hợp với những kỹ thuật của hội họa châu Âu để tạo ra những tác phẩm có giá trị.

Qua chính sách giáo dục của Pháp ở Việt Nam trong giai đoạn 1917- 1929, nhiều thành tố mới lạ trong xã hội cũng xuất hiện trong xã hội Việt Nam cùng những ảnh hưởng của văn minh phương Tây. Đó là những thay đổi trong lối sống, sinh hoạt văn hóa kiểu phương Tây, tự do tư tưởng. Văn minh, văn hóa phương Tây ngày càng tác động mạnh mẽ, sâu sắc đến đời sống xã hội Việt Nam vốn ngưng đọng trong ý thức hệ phong kiến trong suốt hàng ngàn năm. Sự tác động này, ban đầu ở lĩnh vực sinh hoạt vật chất, cùng với những thay đổi trong nền giáo dục mới sẽ kéo theo thay đổi ở phương diện tâm lí, tinh thần.

Thực dân Pháp sử dụng giáo dục như một công cụ quan trọng cho chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai, nhằm tạo ra lực lượng lao động có tay nghề cao, có tri thức phục vụ cho các ngành kinh tế. Bởi vậy, qua chương trình học trong nhà trường, cùng với việc mở rộng hệ thống trường nghề, trường cao đẳng, tạo điều kiện cho học sinh vùng dân tộc thiểu số học trường chuyên nghiệp nhằm sớm có nguồn lao động dồi dào, học sinh được đào tạo về các ngành công nghiệp mới, trở thành công nhân lành nghề trong các xí nghiệp, công xưởng của Pháp. Mặc dù phục vụ cho kinh tế thực dân nhưng dấu sao người Việt đã được tiếp xúc với kỹ thuật và phương thức sản xuất mới.

Ngoài ra, văn minh phương Tây cũng thổi luồng sinh khí mới đối với lĩnh vực văn chương nghệ thuật trong giai đoạn này. Lớp thanh niên trí thức Tây học ngày càng đông đảo, đóng vai trò quan trọng về mặt tư tưởng, văn hóa. Tiếp thu tư tưởng mới của văn học phương Tây, họ có những quan niệm mới về vũ trụ, nhân sinh, về cái đẹp. Trong làng văn học nổi lên phong trào đấu tranh cho tự do cá nhân trong lĩnh vực tình yêu và hôn nhân, tiêu biểu là Xuân Diệu; hay sự phát triển của các loại hình văn học nghệ thuật mang đậm cái “tôi” cá nhân và những chuyển biến trong sáng tác văn chương, thi ca. Nhiều tác phẩm được tác giả Việt Nam viết theo phong cách của tác giả Pháp, như: các tác phẩm của Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng mang hơi hướng của nhà văn Guy De Maupassant, thơ Xuân Diệu mang phong cách của Paul Verlaine và Arthur Rimbaud, ... Những quan niệm mới về tự do cá nhân được thể hiện rõ nét qua các tác phẩm văn chương trong thời kì

này. Tiểu thuyết “Tổ tâm” của Hoàng Ngọc Phách, tiểu thuyết “Giác mộng con” của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu,... đã “*mở ra con đường tiến tới chủ nghĩa lãng mạn của văn học Việt Nam*” [10;226].

Tiểu kết chương 2

Chương trình cải cách giáo dục lần 2 của thực dân Pháp được tiến hành mới mục đích hỗ trợ đắc lực cho công cuộc cai trị, sự nghiệp chiếm lĩnh trái tim và khối óc của nhân dân Việt Nam. Nhưng chính một số chính sách đó mà các thành tố của văn minh hiện đại đã ảnh hưởng đến Việt Nam và được nhân dân tiếp nhận. Mà trước hết là ảnh hưởng đối với giáo dục Việt Nam, qua mô hình giáo dục, chương trình giáo dục, ngôn ngữ trong nhà trường,... Đồng thời, những quy định về chương trình học và chính sách sử dụng ngôn ngữ là phát xuất cho những ảnh hưởng sau đó của văn minh phương Tây đến Việt Nam trên nhiều lĩnh vực khác. Đó là những chuyển biến mới của văn chương, báo chí, của điêu khắc, hội họa, tư tưởng, lối sống và đặc biệt góp phần thúc đẩy kinh tế Việt Nam theo hướng hiện đại. Những nhân tố mới lạ của văn minh phương Tây theo sau quá trình thống trị của chủ nghĩa thực dân giai đoạn 1917-1929, dù nó chỉ tồn tại trên ý tưởng, đã diễn ra trong thực tế hay chưa diễn ra, nằm trong mục đích hay ngoài mong muốn của nhà cầm quyền Pháp đều không thể phủ nhận được. Nhân dân Việt Nam đã có quá trình tiếp nhận, giao lưu văn hóa văn minh bên cạnh thái độ bất hợp tác chống lại các chính sách giáo dục của Pháp. Đây cũng chính là những tác động tích cực của chính sách giáo dục mà thực dân Pháp đã triển khai ở thuộc địa, những ảnh hưởng khách quan ngoài mục đích của nhà thực dân.

Chương 3: Một số nhận xét về chính sách giáo dục của Pháp giai đoạn 1917-1929 và những ảnh hưởng của văn minh phương Tây

3.1 Nhận xét về chính sách giáo dục của Pháp trong giai đoạn 1917 – 1929

Nhằm phục vụ cho nhu cầu cần tăng cường bóc lột mà “*thực dân Pháp bắt buộc phải phát triển giáo dục ở Việt Nam*” [9;15]. Phát xuất từ bối cảnh mới sau Đại chiến thế giới thứ nhất và mục đích sâu xa của Pháp mà chính sách giáo dục do các Toàn quyền Đông Dương ban hành và thực hiện trong giai đoạn này đều có hại hơn là có lợi cho dân tộc Việt Nam. Bên cạnh những hệ quả tích cực mà chúng ta không thể phủ nhận được thì những hệ quả tiêu cực hay những ảnh hưởng của văn hóa lai căng là không thể tránh khỏi.

Trong giai đoạn tiến hành chương trình cải cách giáo dục lần 2, mặc dù Pháp ra sức xây dựng nền giáo dục mới ở Việt Nam nhưng lại chứa đựng nhiều hạn chế và những hạn chế đó nằm trong chính sách, quá trình triển khai cũng như kết quả thực hiện trên thực tế. Chính sách sử dụng tiếng Pháp hay chữ Quốc ngữ đều do lợi ích của thực dân quyết định, phục vụ cho mục đích giao dịch, trao đổi chứ không hề vì quyền lợi của dân tộc Việt nam. Căn cứ vào chính sách của Albert Sarraut và kết quả triển khai trên thực tiễn thì số lượng trường học ngày càng tăng lên nhưng tuyệt đại bộ phận là các trường tiểu học. Trong niên khóa 1922-1923, trên tổng số 3039 trường học trên cả nước thì có tới 3030 trường tiểu học, có 7 trường cao đẳng tiểu học và 2 trường trung học. Và ngay trong bậc tiểu học cũng có sự phân hóa không đều giữa các lớp. Chất lượng giảng dạy cũng rất thấp. Vấn đề học chữ Pháp còn rất nhiều hạn chế về giáo viên, học sinh không thể đáp ứng được việc dạy và học chữ Pháp như đã quy định. Thêm nữa, chương trình giảng dạy không phù hợp, không sát với thực tế (trẻ con phải học tiếng Pháp ngay từ lớp sơ đẳng, hoặc sau sửa đổi thì lên lớp cuối bậc này lại chỉ dạy bằng tiếng Pháp). Do đó gặp rất nhiều vấn đề về giáo viên, học sinh. Học sinh bỏ học nhiều, tình trạng mù chữ vẫn phổ biến. Những chính sách mà Toàn quyền Đông Dương ban hành và thực hiện trong giai đoạn này thể hiện rõ mục đích của nhà thực dân đó là hạn chế việc đến trường của thanh thiếu niên Việt Nam: Ở bậc tiểu học, học sinh sẽ học trong 5 năm. Nhưng học sinh sau khi học xong 3 năm bậc sơ đẳng tiểu học phải thi lấy bằng Sơ học yếu lược rồi mới được học tiếp 2 năm còn lại của bậc tiểu học và thi tốt nghiệp. Hơn nữa, một điểm bất cập là trong 3 năm học ở lớp sơ đẳng tiểu học, học sinh lại phải học bằng tiếng Pháp, cùng những quy định về độ tuổi tham gia các cấp học do vậy mà rất ít học sinh theo học [25;2]. “Cho đến năm 1930, tổng cộng học sinh, sinh viên tất cả các trường từ tiểu học đến đại học chỉ chiếm 1,8% dân số” [25;2].

Phương pháp giảng dạy theo lối Pháp khá bảo thủ, thiếu linh hoạt. chính sách giáo dục mang nặng mục tiêu chính trị đã cản trở cho những đầu tư khoa học để xây dựng một nền giáo dục hiện đại cho Việt nam. Nền giáo dục mà Pháp tổ chức ở Việt Nam thời kì này nằm trong tổng thể nền giáo dục thực dân, những chính sách mà nhà cầm quyền thực hiện đều nhằm phục vụ cho mục đích cai trị của Pháp tại Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng. “Gieo rắc tư tưởng nô dịch, tuyên truyền cho văn hóa, tư tưởng “mẫu quốc”, chủ yếu phục vụ con em người Pháp và quan lại người Việt thân Pháp” [26]. Phần lớn nhân dân ta vẫn đang ở trong tình trạng đói nghèo và lạc hậu, vốn kiến thức mà học sinh

thu được qua nhà trường chẳng qua là những hiểu biết nông cạn, hời hợt. Thực hiện chính sách ngu dân dưới chiêu bài “khai hóa văn minh”, thực dân Pháp chỉ phát triển ở Việt Nam một nền giáo dục nhỏ bé, vừa đủ phục vụ công cuộc khai thác, thống trị thuộc địa. Những chính sách trong giai đoạn này cũng là sự tiếp tục chính sách, âm mưu và kết quả đạt được trong giai đoạn trước của Toàn quyền Đông Dương.

Nhằm chinh phục tinh thần và khối óc của người Việt, phục vụ cho công cuộc thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp, đào tạo ra thế hệ thanh niên Việt Nam “mất gốc” mà trong chương trình nội dung giáo dục, Pháp không dạy về những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Dạy cho người Việt Nam hiểu nước Pháp, văn hóa Pháp và bản phận đối với nước Pháp là thực chất của chính sách giáo dục của chính quyền thực dân trong suốt cả thời kỳ lịch sử nói chung và giai đoạn từ năm 1917 đến năm 1929. Việc xóa bỏ nền giáo dục Hán học cũng không nằm ngoài mục đích đó. “Học giả Trần Trọng Kim giật mình khi nền giáo dục Pháp đã biến một xã hội “nghe đến nước mình thì ngày ngày như người ngoại quốc, sử nước mình không biết, tiếng nói nước mình thì chỉ biết qua loa” [29]. Trong bài viết của Nguyễn trọng Hoàng đăng trên Tạp chí nghiên cứu lịch sử, tác giả đã dẫn ra dẫn chứng để chứng minh chính sách ngu dân của thực dân của thực dân Pháp: “*Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo, gieo rắc một nền giáo dục đồi bại, xảo trá và nguy hiểm hơn cả sự đốt nát nữa, vì một nền giáo dục như vậy chỉ làm hư hỏng mất tính nết của người đi học, chỉ dạy cho họ một lòng “trung thực” giả dối, chỉ dạy cho họ biết sùng bái những kẻ mạnh hơn mình, dạy cho thanh niên yêu một tổ quốc không phải là tổ quốc của mình, một tổ quốc đã từng áp bức dân tộc mình* [9;21]. Quả thật, những nội dung của chương trình học được quy định trong Bộ Học chính tổng quy mà đặc biệt là môn Lịch sử đều nói nhiều đến việc khai thác các tài nguyên thiên nhiên, lịch sử Đông Dương, quá trình thiết lập nền bảo hộ của Pháp,... Hay trong môn luân lý, dạy cho học sinh có nhiệm vụ “Yêu, kính trọng, vâng lời, biết ơn các nhà cầm quyền đã chăm lo đến nền an ninh của đất nước, về bản phận đối với nước Pháp, về tình yêu đối với tổ quốc nhỏ và tổ quốc lớn,...” [9; 22]. Chính những nội dung giáo dục lệch lạc đó làm cho học sinh Việt Nam không thể biết đến những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, có lối suy nghĩ và hành động lệch lạc, một lòng phục vụ “mẫu quốc”. Một bộ phận thanh niên được đào tạo ra làm tay sai đắc lực cho Pháp. Những hạn chế, những hệ quả tiêu cực của việc ban hành và thực hiện chính sách giáo dục của Pháp trong giai đoạn này là hết sức nặng nề. Thêm nữa, thực dân Pháp còn ngăn chặn các luồng

tư tưởng tiến bộ từ bên ngoài, hạn chế học sinh du học và giáo dục nhiều tri thức lệch lạc càng thể hiện rõ đã tâm, mưu đồ của Pháp. Đó cũng là những rào cản khiến văn minh phương Tây đến Việt Nam một cách hạn chế.

Mặc dù, những chính sách giáo dục của Pháp trong thời gian này đã để lại những hậu quả nặng nề, song xét về góc độ khách quan, chúng ta vẫn thấy những yếu tố tích cực đem lại cho Việt Nam. Tuy mới chỉ thực hiện trong hơn 10 năm nhưng đã tạo ra những thay đổi lớn trong “việc học” ở Việt Nam lúc đó, vượt qua mong muốn của Pháp, chính những chính sách đó lại tạo điều kiện mới cho sự tiếp nhận văn minh phương Tây của Việt Nam. Nói cách khác, chính sách giáo dục mà toàn quyền Đông Dương ban hành trong thời kỳ này nhằm phục vụ cho mục tiêu chính trị và kinh tế trong công cuộc khai thác, bóc lột và thống trị nhân dân ta nhưng với chủ thể tiếp nhận những chính sách giáo dục ấy chủ yếu là học sinh Việt Nam mà một số nhân tố mới của văn hóa phương Tây đã ảnh hưởng đến Việt Nam. Nền giáo dục Việt nam đã mang diện mạo mới, với mô hình giáo dục gồm ba cấp học: Tiểu học, trung học, cao đẳng và đại học. Có thể xem đây là mô hình khá hoàn chỉnh, kết hợp giữa phương Đông và phương Tây ở giai đoạn đầu (học cả chữ Hán, chữ Pháp và chữ Quốc ngữ) và từng bước được hiện đại hóa hoàn toàn. Những thay đổi về chương trình học, về vấn đề sử dụng ngôn ngữ trong nhà trường đặc biệt là việc xóa bỏ sự tồn tại của nền giáo dục Hán học đã tách dần ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc, thay vào đó là sự tiếp xúc với văn hóa Pháp. Điều đó góp phần thay đổi lối tư duy, phương pháp học, lối sống của học sinh, sinh viên Việt Nam. Học trò không phải học theo sách thánh hiền, theo Tứ thư, Ngũ kinh như trước đây mà được trang bị kiến thức toàn diện về khoa học, cả về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Học sinh còn được tham gia các trường học nghề, được trang bị những kỹ năng và kiến thức cần thiết để tự kiếm sống bằng các ngành nghề khác nhau. Mô hình giáo dục này được xây dựng bước đầu dưới thời Albert Sarraut và tiếp tục được các Toàn quyền đi sau tiếp thu và mở rộng. Như vậy, chính sách giáo dục của thực dân Pháp trong giai đoạn này chính là một trong những điều kiện, cầu nối để văn minh phương Tây du nhập vào Việt Nam.

3.2. Nhận xét về những ảnh hưởng của văn minh phương Tây đến Việt Nam.

Những yếu tố mới, tiến bộ, tích cực mà quá trình thâm nhập của văn minh phương Tây đem đến cho Việt Nam qua cải cách giáo dục lần thứ 2 là không thể phủ nhận. Người Pháp nhận ra rằng sự tồn tại của nền giáo dục Nho học là rào cản lớn trên bước đường xác

lập nền thống trị của họ. Bởi lẽ, nền giáo dục ấy là cơ sở của những giá trị văn hóa truyền thống, bám sâu rễ bền gốc ở Việt Nam. Mọi chủ trương hai hóa văn minh sẽ không mang lại hiệu quả nếu chữ hán không được thay thế bằng tiếng Pháp và chữ Quốc ngữ. Bởi vậy, giáo dục trong giai đoạn này có nhiệm vụ hoàn thành nốt công việc mà quân đội Pháp đã hoàn thành trên chiến trường. Thông qua việc ban hành các quy chế giáo dục, thực dân Pháp đã thiết lập nên nền giáo dục mới với hệ thống tổ chức gồm các cấp học, bậc học gắn với một chương trình được phân thành các mô học, chuyên ngành để chuyển tải các tri thức khoa học của văn minh phương Tây đến học sinh. Nền giáo dục mà thực dân Pháp thiết lập ở Việt Nam sau cải cách giáo dục lần hai đã rất gần với nền giáo dục của Pháp. Đây cũng chính là một trong những biểu hiện của thành tựu văn minh phương Tây, chứa đựng nhiều điểm mới lạ hơn so với giáo dục Nho học trước đây cả về tổ chức lẫn chương trình học. Sau khi vượt qua những trở ngại, tiếng Pháp ngôn ngữ chính trong học đường trở thành phương tiện để trí thức Việt Nam tiếp xúc trực tiếp với các tư tưởng mới của thời đại để Việt Nam được giao lưu, tiếp xúc với văn minh phương Tây. Trước hàng loạt các chính sách mang tính áp đặt của những nhà thực dân, trí thức Việt Nam vừa đấu tranh bài trừ vừa phải tiếp nhận nền văn minh phương Tây để hiện đại hóa đất nước. Nhiều trí thức Việt Nam đã có cái nhìn mới về văn minh phương Tây, từ chủ trương níu giữ những giá trị văn hóa truyền thống được xây dựng trên nền tảng đạo đức Nho gia, kiên quyết bất hợp tác với nền giáo dục mà thực dân Pháp tổ chức, các sĩ phu chuyển sang tiếp thu nhiều kiến thức mới trong các nhà trường Pháp – Việt. Cùng với chính sách giáo dục của thực dân Pháp, những yếu tố văn minh phương Tây đã làm cho nhiều yếu tố truyền thống ở Việt Nam bị phá vỡ, như lối học thụ động theo kinh điển Nho gia, lối học theo sách thánh hiền, học để làm quan hay gõ đầu trẻ. Các giá trị “trung, hiếu, tiết, nghĩa”, “công, dung, ngôn, hạnh”, những nguyên lý về “tam cương, ngũ thường” dần dần trở nên xa lạ. Giờ đây, tri thức khoa học đã ít nhiều làm thay đổi tư duy và lối sống của trí thức Việt Nam.

Qua chính sách giáo dục của Pháp giai đoạn này, văn minh phương Tây đến Việt Nam đã tạo ra những chuyển biến mới lạ không chỉ trên lĩnh vực giáo dục mà còn tạo ra sự biến đổi trên nhiều mặt của đời sống chính trị, xã hội. *“Trước hết, văn minh phương Tây mang đến cho văn hóa Việt Nam những giá trị mới như tự do, bình đẳng, dân chủ ... là những giá trị nhân văn thuộc về con người phổ quát mà tư tưởng Ánh sáng nêu ra. Sau đó, nó giúp người Việt phát triển được ý thức cá nhân, coi cá nhân không đối lập mà hỗ trợ*

cho sự phát triển của xã hội. Chính sự thức tỉnh của ý thức cá nhân đã là một trong những động lực phát triển của văn hóa giai đoạn này” [20;104-105]. Tiếp xúc với văn minh phương Tây, trí thức Việt Nam dần có những thay đổi trong tư duy và lối sống.

Những nhân tố mới lạ của văn minh phương Tây thâm nhập vào Việt Nam qua chính sách giáo dục của Pháp giai đoạn 1917 - 1929 cũng như quá trình tiếp nhận của người Việt đều nằm trong tiến trình chung của quá trình giao lưu văn hóa, văn minh. Diễn ra cùng với quá trình “chinh phục tinh thần” là quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hóa văn minh. Văn minh phương Tây từng bước du nhập vào Việt Nam từ trong lĩnh vực giáo dục và ngày càng lan tỏa đến các lĩnh vực khác của đời sống chính trị - xã hội.

Đằng sau những “chính sách ngu dân để dễ bề cai trị” là quá trình thâm nhập của văn minh phương Tây đến Việt Nam. Văn minh phương Tây được người Việt tiếp nhận từng bước phá vỡ những yếu tố cũ kỹ, truyền thống từng tồn tại lâu đời, tuy nhiên, sự phá vỡ đó còn mang tính nửa vời, áp đặt. Tình trạng dân trí thấp là nét phổ biến. Số trường học được mở không nhằm mở mang và đào tạo ngành nghề, chuyên môn một cách đầy đủ cho người Việt Nam mà chỉ chủ yếu đào tạo tầng lớp công chức, những người phiên dịch, đội ngũ lao động có tay nghề phục vụ đắc lực cho chính quyền cai trị. Bởi vậy, mặc dù người Việt – đối tượng trực tiếp thực hiện và thu nhận nền giáo dục đó đã tiếp thu có chọn lọc những thành tựu của văn minh phương Tây nhưng còn rất hạn chế. Hơn nữa, do hoàn cảnh lịch sử và những nét riêng có của Việt Nam mà nhiều thành tố của văn minh phương Tây qua chính sách giáo dục ảnh hưởng đến Việt Nam nhưng không phù hợp.

Dẫu sao cũng cần phải thừa nhận văn minh phương Tây về cơ bản là nhân tố có ý nghĩa tích cực thúc đẩy quá trình phát triển của xã hội Việt Nam, thúc đẩy quá trình vận động tư tưởng, hiện đại hóa nền văn học dân tộc. Đặc biệt, với việc xóa bỏ giáo dục Nho học văn hóa Việt Nam đã dần thoát khỏi ảnh hưởng của phong kiến Trung Hoa, bắt đầu mở rộng tiếp xúc với văn minh phương Tây mà chủ yếu là văn minh Pháp. Những tư tưởng tiến bộ, nhất là tư tưởng Mác – xít được người Việt Nam tiếp nhận qua sách báo tiếng Pháp, đã làm thay đổi nhận thức không chỉ thanh niên trí thức mà của cả những nhà Nho yêu nước.

Tiểu kết

Như vậy, Những thay đổi trong chính sách giáo dục của Pháp dưới thời các viên Toàn quyền trong giai đoạn 1917 – 1929 là điều kiện mới để văn minh phương Tây thâm nhập

vào Việt Nam. Những nhân tố mới lạ từ văn minh phương Tây trong chính sách giáo dục của Pháp thời kì này dù nằm trong ý đồ và hành động của Pháp hay nằm ngoài mong muốn của nhà thực dân cũng nên được nhìn nhận đánh giá một cách khách quan. Nó tạo nên nhiều chuyển biến trong đời sống chính trị, xã hội và văn hóa, đặc biệt là diện mạo mới của nền giáo dục Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Tuy nhiên, yếu tố văn minh phương Tây đến Việt Nam qua việc thực hiện chính sách giáo dục của Pháp còn nhiều hạn chế, qua lăng kính của ý đồ các nhà thực dân và thực tiễn xã hội Việt Nam.

II. Kết luận

Có thể nói văn minh phương Tây đến Việt Nam bằng nhiều con đường khác nhau: con đường buôn bán gắn với định cư, con đường du học,... Đặc biệt con đường chiến tranh xâm lược gắn với đô hộ, cai trị là con đường quan trọng, chủ yếu trong việc truyền bá thành tựu văn minh phương Tây đến Việt Nam. Một trong những biểu hiện rõ nét của con đường mang tính chất áp đặt, cưỡng bức là trên lĩnh vực giáo dục. Thông qua chính sách của các nhà thực dân trong mỗi thời kì mà các thành tố của văn minh phương Tây cũng như mức độ ảnh hưởng của nó có sự khác nhau. Dựa vào hướng nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu đã được xác định cụ thể, dựa vào nguồn tài liệu tham khảo mà tác giả đã cố gắng sưu tầm, khai thác, bằng phương pháp nghiên cứu thiết yếu (phương pháp lịch sử, phương pháp lôgic, phương pháp so sánh và phương pháp phân tích), tác giả đã tiến hành nghiên cứu và tìm hiểu những ảnh hưởng của văn minh phương Tây đến Việt Nam qua chính sách giáo dục mà nhà thực dân ban hành cũng như việc triển khai thực hiện trên thực tế trong giai đoạn 1917-1929. Trong bài nghiên cứu này tôi có điểm qua những chính sách giáo dục của Pháp trong thời kì này qua các viên Toàn quyền. Từ đó nhận diện và phân tích những yếu tố của văn minh phương tây du nhập vào Việt Nam và quá trình tiếp nhận của người Việt mà trước hết là những ảnh hưởng trong lĩnh vực giáo dục. Từ những kết quả nghiên cứu đã trình bày ở trên tác giả bước đầu đi đến nhận xét về những điều kiện, con đường cho sự du nhập văn minh phương Tây vào Việt Nam, những mặt hạn chế, tích cực trong chính sách giáo dục của các nhà thực dân giai đoạn 1917-1929 cũng như yếu tố “tiếp nhận” của người Việt.

Phải khẳng định rằng Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn minh Trung Hoa do có mối quan hệ lịch sử lâu đời và biên giới liền kề. Giáo dục Việt Nam gần như được tổ chức theo mô hình giáo dục Trung Hoa từ chương trình học, chế độ thi cử, ngôn ngữ

giảng dạy... bởi vậy lối tư duy của người học bị “trói buộc” trong sách vở Nho học, những hiểu biết về tri thức khoa học hạn chế. Những chính sách giáo dục mà Toàn quyền Đông Dương ban hành và việc triển khai thực hiện trên thực tế đã tạo ra bước chuyển mới đối với nền giáo dục Việt Nam, đặc biệt là việc xóa bỏ nền giáo dục Nho học. Như vậy sự du nhập văn minh phương Tây vào Việt Nam là sự song hành hai quá trình cai trị và du nhập văn minh. Các nhà thực dân rêu rao tuyên bố “sứ mệnh” khai hóa văn minh nhưng thực chất là chiêu bài, phương tiện để thực hiện chính sách khai thác, bóc lột và cai trị nhân dân thuộc địa. Nhưng bên cạnh những tác động tiêu cực, những hệ quả nặng nề mà chính sách giáo dục của Pháp thời kì này mang lại là những hệ quả tích cực có lợi cho Việt Nam. Mặc dù chính sách giáo dục là do thực dân Pháp ban hành và thực hiện nhưng bộ phận tiếp nhận lại chủ yếu là người Việt Nam, họ đã tiếp nhận một cách chọn lọc những thành tựu của văn minh phương Tây. Đồng thời, tạo ra những ảnh hưởng và chuyển biến sau đó trong giai đoạn tiếp theo. Những thành tựu văn minh mà Việt Nam có được là hệ quả khách quan của quá trình áp đặt ách thống trị của thực dân Pháp mà cụ thể là chính sách về giáo dục thời kì 1917-1929. Đó là hệ quả nằm ngoài mục đích của thực dân Pháp.

Như vậy, cùng với chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai, thực dân Pháp đã có những điều chỉnh trong chính sách giáo dục. Những chính sách đó vừa gây nên những hậu quả nặng nề cho nhân dân Việt Nam nhưng cũng vừa mang lại những hệ quả khách quan. Đó là sự du nhập, ảnh hưởng của văn minh phương Tây vào Việt Nam mà cụ thể là nền giáo dục hiện đại với những tri thức khoa học và lối học mới, việc sử dụng tiếng Pháp là bước đệm và là điều kiện mới cho những ảnh hưởng sau đó của văn minh phương Tây. Quá trình du nhập những nhân tố của văn minh phương Tây vào Việt Nam là những hệ quả khách quan đằng sau chính sách cai trị của Pháp. Đặc biệt thông qua giáo dục đã góp phần đào tạo ra đội ngũ trí thức Tân học. Họ là những người thức thời, đón nhận và tiếp thu những tư tưởng tư sản châu Âu thời cận đại. Họ trực tiếp truyền bá tri thức khoa học và tư tưởng dân chủ phương Tây vào Việt Nam. Bằng nhiều con đường khác nhau mà tư tưởng dân chủ tư sản đã xâm nhập vào Việt Nam làm thay đổi suy nghĩ, quan niệm và lối sống của người dân. Quan niệm về giá trị như đề cao quyền tự do cá nhân, chú trọng phát triển văn hóa, phát triển giáo dục. Thông qua những tờ báo tiếng Pháp hay bản dịch toàn văn truyền bá về nước mà tư tưởng Mác – Lênin, tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản cũng được phổ biến một cách công khai và rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân.

Tuy thực chất của chính sách giáo dục của Pháp đối với Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng trong giai đoạn này là nhằm phục vụ cho mục đích cai trị, gieo rắc những tư tưởng nô dịch, tuyên truyền cho văn hóa, tư tưởng và công lao khai hóa của “mẫu quốc”, nhưng sự tiếp nhận của Việt Nam là yếu tố đóng vai trò quan trọng, họ đã tiếp thu những kiến thức mới của văn minh phương Tây một cách có chọn lọc và làm phong phú thêm nền văn hóa của dân tộc Việt Nam. Mặc dù ở tư thế cưỡng bức nhưng quá trình tiếp thu nền giáo dục phương Tây đã góp phần tạo nên diện mạo mới cho nền giáo dục Việt Nam - huyển từ nền giáo dục phong kiến trì trệ sang nền giáo dục hiện đại với nội dung và hình thức hoàn toàn mới. Phông theo mô hình giáo dục phương Tây, mặc dù còn nhiều hạn chế về giáo viên, học sinh,... nhưng nhìn một cách tổng thể nhiều nhân tố của văn minh phương Tây qua đó đã du nhập vào Việt Nam tạo ra nhiều chuyển biến mới trên nhiều mặt. Có thể nói *“ảnh hưởng của văn hóa Pháp đối với Việt Nam dù có bắt đầu bằng những con đường và phương thức ngoài ý muốn của dân tộc ta thì kết quả khách quan vẫn góp phần quan trọng vào thúc đẩy nền văn hóa Việt Nam, một mặt tự đề kháng, tự bảo vệ bản sắc dân tộc không bao giờ bị đồng hóa, nhưng mặt khác biết tiếp thu những cái mới để chuyển từ phạm trù văn minh phong kiến Khổng Mạnh, suy tàn, phương Đông, sang phạm trù văn minh văn hóa tư sản phương Tây và phần nào ánh sáng ban đầu của tư tưởng vô sản. Đội ngũ trí thức Việt Nam “Tây học” trong các nhà trường, nhất là các trường tư thục, do các trí thức yêu nước thành lập, đã khéo sử dụng giảng đường, chương trình, giáo trình công khai để khơi dậy lòng yêu nước cho học sinh vừa truyền bá tinh hoa của văn hóa Pháp”*.

Như vậy, Việt Nam trong quá trình hình thành và phát triển văn minh của mình đã có quá trình tiếp thu những thành tựu văn minh từ các nền văn minh lớn trên thế giới mà trước hết là văn minh Trung Hoa và sau nữa là văn minh phương Tây. Văn minh phương Tây qua lĩnh vực giáo dục giai đoạn 1917-1929 đã ảnh hưởng sâu sắc đến Việt Nam, mang lại diện mạo mới về nhiều mặt. Góp thêm cái nhìn khách quan bên cạnh “tội ác” mà chủ nghĩa thực dân Pháp đã gây ra cho Việt Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu tiếng Việt

1. Cục Văn thư và lưu trữ nhà nước - Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, *Giáo dục Việt Nam thời kì thuộc địa qua tài liệu và tư liệu lưu trữ (1858 – 1945)*, NXB Thông tin và truyền thông, Hà Nội, 2016.
2. Nguyễn Thế Anh (2008), *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, Nxb Văn Học, Hà Nội, 2008.
3. Nguyễn Anh (1967), *Vài nét về giáo dục ở Việt Nam từ khi Pháp xâm lược đến cuối chiến tranh Thế giới lần thứ Nhất*, Nghiên cứu Lịch sử, 98/1967, tr.39-51.
4. Nguyễn Anh (1967), *Vài nét về giáo dục ở Việt Nam từ sau Đại chiến thế giới lần thứ Nhất đến Cách mạng tháng Tám*, Nghiên cứu Lịch sử, 102/1967, tr.29-46.
5. Phan Trọng Báu (1994), *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Trần Thị Phương Hoa (2012), *Giáo dục Pháp – Việt ở Bắc Kỳ từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội – Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
7. Trần Thị Phương Hoa (2013), *Nghiên cứu về giáo dục Việt Nam thời Pháp thuộc*”, Tạp chí Xưa & Nay, 426 (4/2013), tr.3-7.
8. Trần Thị Phương Hoa, *Đại học Đông Dương-sự đoạn tuyệt với quá khứ*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Xã hội và Nhân văn 28 (2012) 223-233.
9. Nguyễn Trọng Hoàng (1967), *Chính sách giáo dục của thực dân Pháp ở Việt Nam*”, Nghiên cứu lịch sử, số 96, tháng 3, trang 13-25.
10. Đinh Xuân Lâm (chủ biên), Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ (2003), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
11. Phan Trọng Luận (1989), *Văn hóa Pháp với nhà trường Việt Nam*, Nghiên cứu giáo dục, số 9, tr.18.
12. Vũ Ngọc Khánh (1985), *Tìm hiểu nền giáo dục Việt Nam trước năm 1945*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
13. Nguyễn Văn Khánh (2016), *Trí thức Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. Vũ Dương Ninh (2013), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
15. Trần Viết Nghĩa (2011), *Trí thức Việt Nam đối diện với văn minh phương Tây thời Pháp thuộc*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội - Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn –, Hà Nội.

16. Dương Kinh Quốc (2001), *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, Nxb Giáo dục.
17. Tạ Thị Thúy (2007), *Lịch sử Việt Nam, tập VIII (1919-1930)*, Viện sử học, Hà Nội.
18. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2012), *Về đặc điểm của tầng lớp trí thức Tây học ở Việt Nam đầu thế kỉ XX*, Tạp chí khoa học ĐHQGHN, Khoa Xã hội và Nhân văn 28.
19. Nguyễn Đăng Tiến (1996), *Lịch sử giáo dục Việt Nam trước Cách mạng tháng 8 - 1945*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
20. Hồ Thanh Tâm (2013), *Yếu tố Pháp - Việt trong lĩnh vực cải cách giáo dục ở Việt Nam thời kì 1862 – 1945*, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
21. Nguyễn Đăng Tiến (Chủ biên), Nguyễn Tiến Doãn, Hồ Thị Hồng, Hoàng Mạnh Kha, (1996), *Lịch sử giáo dục Việt Nam trước cách mạng tháng Tám - 1945*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
22. Nguyễn Quang Thắng (1994), *Khoa cử và giáo dục Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
23. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
24. Trần Quốc Vượng (Chủ biên) (1996), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

B. Tài liệu Internet

25. Trần Thanh Giang, *Chính sách nô dịch về văn hóa của thực dân Pháp và một số trào lưu văn hóa trước năm 1945 ở Việt Nam*, pdf, file:///C:/Users/User/Downloads/Documents/ch_nh-s_ch-n_-d_ch-v_-v_n-h_a-c_a-th_c-d_n-Ph_p-v_-m_t-s_-tr_o-l_u-v_n-h_a.pdf.
26. Ngô Minh Oanh, *Tiếp nhận văn minh phương Tây của Việt Nam và Nhật Bản trong lĩnh vực giáo dục: diễn trạng và nhận định*, Pdf, file:///C:/Users/User/Downloads/Documents/video.pdf.
27. Ngô Minh Oanh, *Từ nghiên cứu lịch sử giáo dục phương Tây nghĩ về triết lí giáo dục Việt Nam*, Link: <http://css.hcmussh.edu.vn/?ArticleId=0398b6ff-1868-46a5-b012-e88de347158e>

28. Ngô Minh Oanh, *Đặc điểm của quá trình du nhập văn minh phương Tây vào Sài Gòn*. <https://sites.google.com/site/quankhoasu/dhac-diem-cua-qua-trinh-du-nhap-van-minh-phuong-tay-va-sai-gon>

29. Mạnh Tùng, *Giáo dục Việt Nam thời Pháp thuộc*, đăng ngày 25-8-2017, Link: https://vnexpress.net/tin-tuc/giao-duc/giao-duc-viet-nam-thoi-phap-thuoc-3630779.html#box_comment.

30. Nguyễn Văn Vĩnh, *Tiếng Pháp – Tiếng để tranh luận*, đăng ngày 15/3/2013, Link: <http://www.tannamtu.com/?p=1067>